

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỒ THỊ ĐIỂM HẰNG

LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chuyên ngành : Luật Hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số : 60. 38. 01. 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam kết luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các tài liệu, tư liệu được sử dụng trong luận văn có nguồn dẫn rõ ràng, các kết quả nghiên cứu là quá trình lao động trung thực của tôi.

Hà Nội, Ngày 25 tháng 07 năm 2016

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Đỗ Thị Diễm Hằng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ	9
1.1. Khái niệm, đặc điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự.....	9
1.2. Phân biệt luận tội với cáo trạng.....	12
1.3. Cơ sở và ý nghĩa của hoạt động luận tội.....	14
1.4. Nội dung hoạt động luận tội.....	19
Chương 2: HOẠT ĐỘNG LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TỪ THỰC TIỄN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	35
2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội có tác động đến tình hình tội phạm và hoạt động luận tội trên địa bàn thành phố Hải Phòng.....	35
2.2. Thực trạng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.....	40
Chương 3: GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM TỪ THỰC TIỄN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	55
3.1. Yêu cầu tăng cường biện pháp bảo đảm hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.....	55
3.2. Giải pháp tăng cường triển khai các biện pháp thực hiện quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên	56
3.3. Giải pháp khác.....	62
KẾT LUẬN	70
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. So sánh mức độ gia tăng của tội phạm trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2015 (số lượng vụ án, số lượng bị cáo đã xét xử, số lượng bị cáo đình chỉ xét xử) 37

Bảng 2.2. Số lượng vụ án Tòa án cấp sơ thẩm tại thành phố Hải Phòng đã xét xử bị kháng cáo, kháng nghị (2011 - 2015) 43

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSND	Kiểm sát nhân dân
KSV	Kiểm sát viên
TAND	Tòa án nhân dân
TTHS	Tố tụng hình sự
VAHS	Vụ án hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện Kiểm sát nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
THQCT	Thực hành quyền công tố
KSXX	Kiểm sát xét xử

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tư pháp định hướng: “*Viện kiểm sát nhân dân các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp... Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đảm bảo tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác,... Việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa...*”[6]. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 tiếp tục nhấn mạnh: “*...Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng đảm bảo tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao tính tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp...*”[7]. Theo đó, nhằm thể chế hoá các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trong thời gian qua pháp luật nước ta nói chung và pháp luật hình sự, tố tụng hình sự nói riêng đã có nhiều chuyển biến và thay đổi tích cực. Trong đó phải kể đến sự ra đời của Hiến pháp năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 và gần đây nhất là Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trong tổ chức bộ máy nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân hoạt động độc lập và chịu trách nhiệm báo cáo trước Quốc hội. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ: bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất [24]. Viện kiểm sát nhân dân có chức năng thực

hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam [33, Đ.2]. Chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội cũng như không để người nào bị khởi tố, bị bắt, tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế quyền con người, quyền công dân trái luật.

Hiện nay theo quy định của pháp luật ở nước ta, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố Nhà nước, trình bày quan điểm về việc xử lý đối với bị cáo và quan điểm về việc giải quyết đối với vụ án thông qua hoạt động luận tội - hoạt động khẳng định rõ nét nhất vai trò công tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Mặc dù, trong thời gian qua, hoạt động luận tội của Viện kiểm sát trên địa bàn thành phố Hải phòng đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng thực tiễn phiên tòa cho thấy vẫn còn nhiều trường hợp KSV kết tội bị cáo còn khiên cưỡng, giữ nguyên quan điểm truy tố, không tranh luận lại được hết quan điểm của bị cáo và luật sư bào chữa khiến bị cáo và luật sư không "tâm phục khẩu phục" với quyết định truy tố của VKS. Nguyên nhân sâu xa của bất cập trên một phần chính là do Kiểm sát viên đã chưa làm tròn hết vai trò của mình, chưa thực hiện tốt hoạt động tranh tụng tại phiên tòa nói chung và hoạt động luận tội tại phiên tòa nói riêng. Cụ thể phần luận tội của Kiểm sát viên chưa đủ sức thuyết phục, chưa lập luận được hết các vấn đề để làm căn cứ buộc tội bị cáo, còn nhiều "khe hở" để luật sư bào chữa "vin" vào

làm lý do yêu cầu Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung gây ảnh hưởng đến vị thế và chức năng của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Do đó, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về lý luận hoạt động luận tội, đánh giá thực trạng thực hiện hoạt động luận tội của Kiểm sát viên hiện nay từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân tại thành phố Hải Phòng nhằm tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng của hoạt động luận tội đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp là việc làm hết sức cần thiết. Vì vậy, với các lý do trên, tôi chọn đề tài "*Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn thành phố Hải Phòng*" làm đề tài luận văn thạc sỹ Luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, trong đó phải kể đến các công trình như:

- Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, NXB Tư pháp, Hà Nội;

Trong công trình nghiên cứu khoa học của mình, tác giả đã khái quát khái niệm, căn cứ pháp luật, địa vị pháp lý, thực trạng luận tội trong thời gian qua và kỹ năng xây dựng bản luận tội, kỹ năng trình bày lời luận tội của Kiểm sát viên. Đồng thời phân biệt, chỉ ra sự khác nhau giữa bản luận tội với các văn bản pháp lý khác (bản kết luận điều tra, cáo trạng).

- Trần Văn Độ (2004), *Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa*, Tạp chí Khoa học pháp luật số 04, Hà Nội;

Tác giả khẳng định nội dung tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện cả trong giai đoạn bắt đầu, trong xét hỏi và trong tranh luận. Tùy theo địa vị tố tụng mà người tham gia tố tụng thực hiện nội dung tranh luận khác nhau. Ví dụ: nội dung của tranh tụng trong giai đoạn tranh luận tại phiên tòa bao gồm

việc các bên tham gia tố tụng đề nghị áp dụng luật để bảo vệ quan điểm của mình trong giải quyết vụ án theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Cụ thể: trong phiên tòa hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng pháp luật hình sự để bảo vệ cáo trạng, bảo vệ việc buộc tội; người bào chữa đề nghị áp dụng pháp luật hình sự để gỡ tội, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo...

- Nguyễn Đức Mai (2009), *Đặc điểm của mô hình tranh tụng và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23, Hà Nội;

Tác giả khái quát về một số mô hình tố tụng trên thế giới, căn cứ vào các dấu hiệu chung nhất có thể phân thủ tục xét xử các vụ án hình sự ở các nước trên thế giới thành hai hệ tố tụng cơ bản: Tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn (xét hỏi). Cả hai hệ tố tụng này đều có mục đích cơ bản là tìm ra sự thật và hoạt động theo nguyên tắc "kẻ có tội phải bị trừng phạt, người vô tội phải được tự do". Điểm khác biệt giữa chúng là ở sự giả định về cách thức tốt nhất để tìm ra sự thật.

- Võ Thị Hồng Luyên (2011), *Một số vấn đề về hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm*, Tạp chí Kiểm sát số 1;

Dựa trên việc phân tích mục đích, phạm vi, vai trò của hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm, tác giả đưa ra khái niệm về "hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm" là: Toàn bộ hoạt động tranh tụng của Kiểm sát viên khi khai mạc phiên tòa cho đến khi kết thúc phần tranh luận nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan, làm rõ tất cả các tình tiết của vụ án, bảo vệ quan điểm của Viện kiểm sát trong bản cáo trạng, thuyết phục Hội đồng xét xử ra các quyết định theo ý kiến đề nghị của mình giúp cho Hội đồng xét xử ra một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Trần Duy Bình (2011), *Thực trạng và một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát số 8;

Trong bài viết của mình, tác giả Trần Duy Bình đã nêu lên thực trạng tranh tụng của Kiểm sát viên - chủ thể thực hiện chức năng buộc tội tại phiên tòa, trong đó tác giả có nhắc đến luận tội và đối đáp trong tranh luận của Kiểm sát viên chưa chặt chẽ và còn lúng túng trước các tình huống phát sinh tại phiên tòa; còn tình trạng đề xuất mức án chưa sát với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm. Ngoài ra, do trình độ, năng lực của một số Kiểm sát viên còn hạn chế; việc nghiên cứu hồ sơ, chứng cứ một số vụ án chưa kỹ, chưa toàn diện, còn có biểu hiện chủ quan, đơn giản trong nghiên cứu. Cá biệt có vụ án không nắm chắc, nghiên cứu không sâu, không bảo vệ được quan điểm của VKS; còn lúng túng khi xử lý các tình huống phát sinh hoặc những nội dung có sự thay đổi. Việc xét hỏi và tranh luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa hiện nay vẫn là khâu yếu ở cấp sơ thẩm (nhất là ở cấp huyện). Một số Kiểm sát viên còn thiếu kinh nghiệm nên khi dự kiến, chuẩn bị nội dung xét hỏi, tranh luận chưa sát, khi tranh luận thiếu sắc bén, tính thuyết phục không cao, có lúc còn bị động khi phát biểu quan điểm tại phiên tòa dẫn đến chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa bị hạn chế.

- Nguyễn Văn Khoát (2012), *Hoạt động luận tội trong tố tụng hình sự Việt Nam*, luận văn thạc sĩ Luật học, thành phố Hồ Chí Minh;

Ngoài ra, còn nhiều công trình của nhiều tác giả khác đã được đăng trên các báo và tạp chí chuyên ngành, các báo cáo tổng kết công tác, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, các chuyên đề của Viện kiểm sát nhân dân tối cao qua các năm, các đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ...

Tuy nhiên, có thể nhận thấy hầu hết các công trình nghiên cứu trên đều chủ yếu tập trung phân tích hoạt động tranh tụng trong đó có bao gồm hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự chứ không đi sâu phân tích riêng về hoạt động luận tội, đặc biệt chưa có công trình nào nghiên cứu về hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn thành phố Hải Phòng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện hoạt động này của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân nói chung và Kiểm sát viên tại thành phố Hải Phòng nói riêng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện lý luận cơ bản, các quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về luận tội và thực trạng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, luận văn đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm.

Để thực hiện được mục đích trên, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài gồm có:

Một là, phân tích và làm rõ cơ sở lý luận, pháp lý về luận tội và hoạt động luận tội quy định trong pháp luật tố tụng hình sự hiện hành ở nước ta.

Hai là, phân tích thực trạng chất lượng luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tại thành phố Hải Phòng từ năm 2011 đến năm 2015, từ đó rút ra kết quả đã đạt được, những tồn tại hạn chế cần khắc phục và những nguyên nhân của những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế làm cơ sở cho việc đề xuất một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng luận tội, chất lượng luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực trạng thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Về phạm vi nghiên cứu, Luận văn không nghiên cứu thực trạng luận tội của Viện kiểm sát quân sự trên địa bàn thành phố Hải Phòng mà chỉ nghiên cứu hoạt động này của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tại thành phố Hải Phòng trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

Mặt khác, BLTTHS năm 2015 đã được ban hành, nhưng theo Nghị quyết 144/2016/QH13 về việc lùi hiệu lực thi hành của...BLTTHS số 101/2015/QH13... từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành..., khi phân tích quy định về luận tội của Viện kiểm sát trong BLTTHS năm 2003 tác giả còn đối chiếu với BLTTHS năm 2015 và chỉ ra những điểm đã được khắc phục.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử kết hợp với một số phương pháp nghiên cứu như: phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê qua khảo sát thực tế, phương pháp phỏng vấn trực tiếp các Kiểm sát viên có nhiều năm công tác trong ngành,... để thu thập và đúc rút thành kinh nghiệm phục vụ cho việc hoàn thành luận văn.

6. Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài

Kết quả nghiên cứu luận văn góp phần làm phong phú công tác nghiên cứu lý luận về hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ

thẩm, đồng thời tạo nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho quá trình nghiên cứu, giảng dạy, học tập của các cán bộ, giáo viên và sinh viên chuyên ngành Luật nói chung và các cán bộ, Chuyên viên đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát nói riêng.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung Luận được trình bày thành ba chương cụ thể như sau:

- Chương 1: Khái quát về luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự.
- Chương 2: Thực trạng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.
- Chương 3: Giải pháp tăng cường biện pháp bảo đảm hoạt động luận tội tại phiên tòa hình sự sơ thẩm từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN

TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự

Luận tội là thuật ngữ pháp lý được sử dụng trong lĩnh vực tố tụng hình sự ở trình tự xét xử sơ thẩm. Dưới những góc độ nghiên cứu khác nhau mà cách hiểu về "luận tội" cũng khác nhau. Theo nghĩa chung nhất, luận tội là *"phân tích, cân nhắc để xét tội"* [38, tr.596]. Theo nghĩa pháp lý đơn thuần, *"luận tội là phân tích tội trạng, đề nghị kết tội bị cáo"* [37, tr.189]. Theo giáo trình Kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của Học viện tư pháp: *"Luận tội là một trong những hoạt động thực hành quyền công tố, là sự buộc tội chính thức của Viện kiểm sát đối với bị cáo, thể hiện quan điểm của Viện kiểm sát về vụ án, kết luận tội danh, hình phạt cũng như các biện pháp xử lý khác đối với bị cáo, đồng thời thông qua đó đề xuất áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm"* [9, tr. 177]. Theo tài liệu tập huấn kỹ năng viết luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, luận tội là: *"lời phát biểu của Kiểm sát viên với tư cách là đại diện cho Nhà nước buộc tội các bị cáo một cách công khai trước phiên tòa xét xử các bị cáo theo thủ tục sơ thẩm"* [36].

Có thể nhận thấy, các tài liệu, công trình nghiên cứu khoa học nêu trên đều tập trung khẳng định: luận tội là sự phân tích, đánh giá của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm để qua đó cân nhắc, xét tội cho bị cáo.

Dưới góc độ lý luận và góc độ pháp lý, luận tội phải căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Sau khi phân tích, đánh giá khách

quan, toàn diện, đầy đủ các chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội đó gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án, Kiểm sát viên đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung của bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng; kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Khi Kiểm sát viên trình bày bản luận tội đồng nghĩa với việc mở ra một giai đoạn mới - giai đoạn tranh luận tại phiên tòa. Tại giai đoạn này, luận tội của Kiểm sát viên là cơ sở để bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu cũng như lập luận của mình để đối đáp lại với quan điểm của Viện kiểm sát đồng thời đưa ra đề nghị về nội dung vụ án. Chủ tọa phiên tòa không hạn chế thời gian tranh luận và tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, bị hại, người tham gia tố tụng khác tranh luận, trình bày hết ý kiến nhưng có quyền cắt những ý kiến không liên quan đến vụ án và ý kiến lặp lại. Chủ tọa phiên tòa có quyền yêu cầu Kiểm sát viên phải đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng khác mà những ý kiến đó chưa được Kiểm sát viên tranh luận.

Luận tội có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tranh tụng tại phiên tòa. Đặc điểm của luận tội thể hiện ở chỗ: Luận tội là lời phát biểu trực tiếp của Kiểm sát viên khi tham gia phiên tòa hình sự sơ thẩm; Luận tội được Kiểm sát viên được trình bày sau khi đã kết thúc phần điều tra công khai trước Tòa, mở ra giai đoạn mới - giai đoạn tranh luận tại phiên tòa. Nếu Kiểm sát viên chưa luận tội thì chưa có cơ sở để bên bào chữa phát biểu ý kiến tranh

luận. Trong phần tranh luận nếu thấy có những tình tiết vụ án chưa được hỏi, chưa được làm sáng tỏ thì Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc xét hỏi và xét hỏi xong lại tiếp tục tranh luận; Luận tội của Kiểm sát viên là quan điểm chính thức của Viện kiểm sát trong việc buộc tội bị cáo mà không phụ thuộc vào nội dung của bản cáo trạng đã công bố trước Tòa. Trong bản luận tội, Kiểm sát viên có thể rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo không có tội nếu xét thấy không có căn cứ để kết tội bị cáo hoặc đề nghị Tòa án kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung của bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; Luận tội của Kiểm sát viên là cơ sở để những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trình bày ý kiến của mình và đặc biệt là để bị cáo, người bào chữa của bị cáo nắm bắt được quan điểm buộc tội của Viện kiểm sát, phục vụ cho việc tranh tụng, gỡ tội cho bị cáo sau này; Chỉ có Kiểm sát viên trực tiếp tham gia phiên tòa mới có quyền luận tội. Do vậy, Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải có mặt để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; nếu Kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa... Trường hợp Kiểm sát viên bị thay đổi hoặc không thể tiếp tục thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử mà không có Kiểm sát viên dự khuyết để thay thế thì Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Như vậy, sự có mặt của Kiểm sát viên tại phiên tòa là bắt buộc; Thông qua việc tranh luận tại phiên tòa với bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Kiểm sát viên có thể thay đổi ý kiến so với lời luận tội đầu tiên; Luận tội của Kiểm sát viên là cơ sở để HĐXX thảo luận và quyết định tội danh, hình phạt đối với các bị cáo cũng như quyết định các vấn đề có liên quan trong vụ án như: xử lý vật chứng, giải quyết việc bồi thường dân sự trong tố tụng hình sự,...

Như vậy, qua phân tích đánh giá các quan điểm về luận tội nêu trên, đồng thời phân tích các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, theo chúng tôi

luận tội được hiểu là: *hoạt động nghiệp vụ do Kiểm sát viên thực hiện dựa trên những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự và những người tham gia tố tụng khác (nếu có) tại phiên tòa, để rồi từ đó Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát trình bày quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung của bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng; kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật chung trong xã hội.*

1.2. Phân biệt luận tội với cáo trạng

- *Về cơ sở pháp lý:*

+ Cáo trạng là văn bản pháp lý dựa trên cơ sở kết quả của hoạt động điều tra và quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án của Viện kiểm sát.

+ Luận tội là văn bản pháp lý dựa trên cơ sở nội dung của bản cáo trạng và kết quả của việc xét hỏi công khai tại phiên tòa hình sự sơ thẩm.

- *Về hình thức:*

+ Cáo trạng xuất hiện ở giai đoạn trước khi xét hỏi. Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam thì trước khi tiến hành xét hỏi, Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung của mình trước Tòa án; ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

+ Luận tội xuất hiện ở giai đoạn tranh luận - giai đoạn nối tiếp của giai đoạn xét hỏi. Sau khi kết thúc việc xét hỏi, Kiểm sát viên sẽ trình bày bản luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo một phần hoặc toàn bộ nội dung của bản cáo trạng hoặc tuyên bố bị cáo không phải tội.

Theo đó, luận tội và cáo trạng là hai văn bản pháp lý xuất hiện ở hai giai đoạn tố tụng khác nhau của quá trình xét xử vụ án hình sự.

- *Về nội dung:*

Thứ nhất, xuất phát từ mục đích truy tố bị can ra trước Tòa án nên nội dung của cáo trạng chủ yếu chỉ hướng tới diễn biến hành vi phạm tội, các chứng cứ xác định hành vi "có tội". Trong khi xuất phát từ mục đích phân tích, đánh giá một cách khách quan, toàn diện vụ án thì nội dung của luận tội hướng tới cả chứng cứ "có tội" và chứng cứ "vô tội" của bị cáo.

Thứ hai, trong cáo trạng KSV chỉ dừng lại ở việc xác định tội danh và điều, khoản, điểm của Bộ luật hình sự được áp dụng. Còn trong luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng một mức hình phạt cụ thể đối với hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng các biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

- *Về chủ thể ban hành:*

Theo quy định của pháp luật, Viện trưởng hoặc một Phó Viện trưởng được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân ủy quyền là người có thẩm quyền ký bản cáo trạng. Cụ thể, Phó Viện trưởng ký bản cáo trạng khi Viện trưởng vắng mặt và đã ủy quyền cho Phó Viện trưởng đó thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng và Phó Viện trưởng phải chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát về nhiệm vụ được ủy quyền. Khi Phó Viện trưởng ký cáo trạng thì phải ghi rõ là ký thay Viện trưởng và trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng, Viện kiểm sát phải chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án; giao bản cáo trạng cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi bản cáo trạng cho Cơ quan điều tra và người bào chữa của bị can (nếu có). Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn chuyển hồ sơ vụ án và bản

cáo trạng đến Tòa án; thời hạn giao bản cáo trạng cho bị can hoặc người đại diện của bị can có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày.

So sánh với luận tội, luận tội là văn bản nghiệp vụ mang tính cá biệt của Kiểm sát viên, thể hiện năng lực, bản lĩnh của Kiểm sát viên trong việc buộc tội bị cáo trước Tòa án. Tùy theo sự phân tích, lập luận của Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự đối với vụ án đó mà nội dung của bản luận tội đối với cùng một loại tội danh có sự khác nhau. Luận tội do Kiểm sát viên ký, lưu trong hồ sơ kiểm sát và không phải chuyển cho Tòa án.

Như vậy, Cáo trạng là văn bản pháp lý, thể hiện quan điểm của Viện kiểm sát về vụ án hình sự trên cơ sở kết quả hoạt động điều tra và ra quyết định truy tố bị can ra trước toà án để xét xử. Cáo trạng là văn bản pháp lý kết thúc giai đoạn điều tra và mở đầu một giai đoạn tố tụng mới, đó là giai đoạn xét xử sơ thẩm hình sự. Theo quy định tại Điều 167 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 thì nội dung cáo trạng phải ghi rõ ngày, giờ, tháng, năm; địa điểm xảy ra tội phạm; thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, hậu quả của tội phạm và những tình tiết quan trọng khác; những chứng cứ xác định tội trạng của bị can, những tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị can và mọi tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Phần kết luận của bản cáo trạng ghi rõ tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự được áp dụng [59].

1.3. Cơ sở và ý nghĩa của hoạt động luận tội

1.3.1. Cơ sở của hoạt động luận tội

- Xuất phát từ chức năng của tố tụng hình sự

Tố tụng hình sự được đặc trưng bởi ba chức năng cơ bản đó là chức năng buộc tội, chức năng gỡ tội (chức năng bào chữa) và chức năng xét xử.

Theo PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc, chức năng buộc tội là chức năng có vai trò rất quan trọng, quyết định sự tồn tại của chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Chức năng buộc tội nhất là trong hình thức buộc tội nhân danh Nhà nước, có vai trò động lực của tố tụng hình sự. Nó được coi là trực chính thu hút hoạt động của tất cả những người tham gia phiên tòa. Như chúng ta đã biết xuất phát từ nguyên tắc công tố nên vụ án hình sự được bắt đầu bằng việc khởi tố vụ án của cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là từ khi có quyết định buộc tội (quyết định khởi tố bị can). Kể từ thời điểm này đánh dấu sự tham gia tố tụng của các chủ thể và họ đều bị chi phối bởi quyết định buộc tội. Đồng thời mục đích tham gia tố tụng của các chủ thể cũng bắt đầu từ sự buộc tội, từ chức năng buộc tội.

Như vậy, trong hệ thống các chức năng tố tụng hình sự cơ bản thì chức năng buộc tội được coi là chức năng đóng vai trò chủ đạo, quyết định. Không có sự buộc tội thì không thể có tố tụng hình sự, tố tụng hình sự sẽ trở thành không có mục đích và đối tượng. Khẳng định trên không có nghĩa là chức năng bào chữa và chức năng xét xử đóng vai trò thứ yếu, chức năng phụ. Rõ ràng cả ba chức năng buộc tội, chức năng bào chữa, chức năng xét xử đều là những chức năng cơ bản, chức năng nào cũng quan trọng và không được phép đặt chức năng này lên trên chức năng khác. Tuy nhiên, trong ba chức năng đó thì chức năng buộc tội là động lực đầu tiên làm xuất hiện các chức năng tố tụng khác, là đòn bẩy đưa bộ máy tố tụng vào hoạt động. Chức năng buộc tội là chức năng bắt buộc, mang tính quy luật, không có chức năng buộc tội thì không có chức năng bào chữa và tất nhiên cũng không có chức năng xét xử. Thực hiện tốt chức năng buộc tội chính là điều kiện quan trọng để đảm bảo cho việc xét xử đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Nội dung chức năng buộc tội bao gồm những hoạt động tố tụng nhằm phát hiện người đã thực hiện hành vi phạm tội, tội phạm đã thực hiện, những tình tiết thể hiện tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, chứng minh lỗi của những người đã thực hiện tội phạm, động cơ mục đích cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Theo đó, nội dung của chức năng buộc tội chính là nội dung các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể buộc tội theo quy định của pháp luật. Chức năng buộc tội tồn tại từ giai đoạn điều tra và sẽ kéo dài cho đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nội dung cơ bản của chức năng buộc tội trong giai đoạn điều tra trước hết đó là tất cả những gì Cơ quan điều tra (thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên) thực hiện để trực tiếp tìm tòi, phát hiện chứng cứ buộc tội thông qua các hoạt động điều tra, cũng như việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng nhằm ngăn chặn hành vi phạm tội. Ngoài ra, nội dung buộc tội trong giai đoạn điều tra còn được thể hiện thông qua việc tìm kiếm chứng cứ, đề xuất các yêu cầu như: đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, đề nghị áp dụng biện pháp đảm bảo bồi thường, khiếu nại các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng... của người bị hại, đặc biệt là trong các vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại. Tất cả hoạt động trên đây nhằm mục đích chuẩn bị các căn cứ và các điều kiện cho sự buộc tội tại phiên tòa.

Ở giai đoạn xét xử chức năng buộc tội được thực hiện thông qua hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát, cụ thể là hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên cần phân biệt khái niệm buộc tội và khái niệm công tố là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Công tố là một trong những hình thức khác nhau của chức năng buộc tội, là hình thức chủ đạo diễn ra trong điều kiện đặc thù là tại phiên tòa xét xử hình

sự sơ thẩm và do Kiểm sát viên - người duy nhất được quyền đại diện cho Nhà nước thực hiện. Còn chức năng buộc tội đã thực sự xuất hiện từ giai đoạn điều tra (từ khi khởi tố bị can) hoặc thậm chí sớm hơn, cụ thể chức năng buộc tội đã xuất hiện từ thời điểm người bị tình nghi bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ.

- *Xuất phát từ chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát*

Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan "*thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp*" của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Viện kiểm sát nhân dân "*thực hành quyền công tố*" ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân "*thực hành quyền công tố*" qua các hoạt động: "*Công bố cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa. Xét hỏi, luận tội, tranh luận,...*" [33, Đ.18] tại phiên tòa. Theo đó, "*luận tội*" là một trong những hoạt động chính của Viện kiểm sát nhân dân nói chung và Kiểm sát viên nói riêng khi thực hành quyền công tố tại phiên tòa hình sự sơ thẩm, hay nói theo cách khác khi Kiểm sát viên thực hiện hoạt động luận tội của mình thì cũng chính là đang thực hiện chức năng "*công tố*" - chức năng Hiến định của Viện kiểm sát nhân dân.

1.3.2. Ý nghĩa của hoạt động luận tội

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm là một trong những nội dung quan trọng của hoạt động thực hành quyền công tố, do đó việc trình bày luận tội mang ý nghĩa pháp lý, chính trị - xã hội sâu sắc. Cụ thể:

- Luận tội của Kiểm sát viên thể hiện quan điểm chính thức về mặt pháp lý của Viện kiểm sát nhân dân – cơ quan duy nhất được giao chức năng

thay mặt Nhà nước truy tố và buộc tội đối với người đã thực hiện hành vi phạm tội.

- Luận tội là cơ sở để mở ra một giai đoạn mới trong hoạt động xét xử, đó là giai đoạn tranh luận giữa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa sơ thẩm. Theo quy định tại Chương 21 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tranh luận tại phiên tòa là một thủ tục bắt buộc. Theo tinh thần cải cách tư pháp tại các Nghị quyết 08-NQ/TW, 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, việc tranh luận có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình xét xử vụ án.

- Thông qua luận tội, nguyên nhân và điều kiện của tội phạm được làm sáng tỏ và cùng với kiến nghị, những bài học kinh nghiệm rút ra từ vụ án, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa có tác động rất lớn đến người phạm tội trong cải tạo giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

- Việc trình bày luận tội có phân tích sâu sắc, khách quan, toàn diện, có tính thuyết phục giúp cho người tham dự phiên tòa hiểu rõ hơn về bản chất pháp luật của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

- Xét về tính chất pháp lý thì luận tội của Kiểm sát viên chính là công cụ để Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa [52]. Phần trình bày lời luận tội của Kiểm sát viên thường nhận được sự quan tâm theo dõi đặc biệt của công chúng.

Vì vậy, để luận tội đạt được ý nghĩa pháp lý, chính trị - xã hội nêu trên thì trách nhiệm của người Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là rất lớn. Bởi phần luận tội được trình bày tại phiên tòa không chỉ vừa phải đảm bảo được tính có căn cứ và tính thuyết phục cao đối với HĐXX, bị cáo, người tham gia tố tụng mà còn phải đảm bảo được tính có căn cứ và tính thuyết phục cao đối với cả những người tham dự phiên tòa. Mà đa số thành

phần những người tham dự này là những người dân chưa hiểu sâu và nắm rõ về pháp luật.

1.4. Nội dung hoạt động luận tội

1.4.1. Xây dựng luận tội

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 không quy định cụ thể về bố cục của bản luận tội nhưng trên cơ sở thực tiễn cho thấy, bản luận tội gồm có 03 phần, phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Trên cơ sở bố cục của bản luận tội, luận văn tiến hành nghiên cứu, phân tích yêu cầu xây dựng từng phần của luận tội như sau:

Phần mở đầu của luận tội

Phần mở đầu phải đảm bảo đủ các nội dung sau:

- *Thứ nhất*, Kiểm sát viên mở đầu luận tội bằng câu: "*Thưa Hội đồng xét xử*" và tự giới thiệu về mình là đại diện Viện kiểm sát. Kiểm sát viên sẽ nêu họ tên, chức vụ, Viện kiểm sát nơi đang công tác và tên vụ án được đưa ra xét xử. Họ tên của Kiểm sát viên là tên thường dùng, không được nêu bí danh hoặc tên gọi tắt. Trong vụ án có nhiều bị cáo, Kiểm sát viên chỉ nêu họ tên bị cáo chính và đồng phạm, ví dụ: "*vụ án Phạm Văn Tuyển và đồng phạm bị truy tố về tội Cường đoạt tài sản*". Ngoài ra, nếu bị cáo chính còn có tên gọi khác thì Kiểm sát viên phải nêu đầy đủ cả họ tên kèm theo tên thường gọi của bị cáo, ví dụ: "*vụ án Trương Văn Cam (tức Năm Cam) và đồng bọn phạm tội giết người*".

- *Thứ hai*, Kiểm sát viên nêu ngắn gọn, tóm tắt mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và tầm quan trọng của việc đưa vụ án ra xét xử; giới thiệu tóm tắt tội danh của vụ án, các bị cáo được đưa ra xét xử.

Theo hướng dẫn của mẫu số 136 Viện kiểm sát nhân dân tối cao, phần này Kiểm sát viên chỉ cần giới thiệu tóm tắt tội danh, các bị cáo được đưa ra xét xử, không cần nêu nội dung vụ án. Do đó, dựa trên tình hình địa phương nơi xảy ra vụ án, hậu quả nghiêm trọng của vụ án, thủ đoạn tinh vi mà đối tượng phạm tội đã sử dụng,... nêu ngắn gọn, tránh dài dòng mục đích, ý nghĩa của việc đưa vụ án ra xét xử. Ví dụ: trong phần ý nghĩa và tầm quan trọng của vụ án Nguyễn Đức Mạnh phạm tội Cướp giật tài sản trên địa bàn quận K. thành phố Hải Phòng, bản luận tội do Kiểm sát viên Lê Thị Minh Hiền nêu:

"Trưa ngày 17/11/2014, trên đường Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận K. thành phố Hải Phòng xảy ra vụ án đối tượng sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản sau đó gây tai nạn cho người cho người tham gia giao thông. Vụ án này đã gây xôn xao dư luận trên địa bàn phường nói riêng và trên địa bàn quận nói chung, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho những người tham gia giao thông trên tuyến đường này. Vì vậy, hôm nay ngày 28/5/2015, TAND quận K. đưa bị cáo Nguyễn Đức Mạnh là đối tượng đã thực hiện hành vi cướp giật trên đường Trường Chinh ra xét xử thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị phát hiện và xử lý kịp thời ngoài ra còn có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung [54]".

Hoặc trong vụ án Phạm Văn Tuyên cùng đồng bọn phạm tội Cường đoạt tài sản trên địa bàn huyện T. thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên lập luận về tầm quan trọng của việc đưa vụ án ra xét xử như sau:

"Trong những năm gần đây trên địa bàn huyện T. tình hình tội phạm có những diễn biến phức tạp nhất là tội phạm xâm phạm quyền sở hữu tài sản, các đối tượng sử dụng những phương thức thủ đoạn phạm tội tinh vi, liều lĩnh coi thường pháp luật đáng chú ý là việc lợi dụng các đối tượng đang đánh bạc có hành vi vi phạm pháp luật đã vào giả danh công an nhằm chiếm đoạt

tài sản gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, bức xúc trong nhân dân. Vì vậy, hôm nay TAND huyện T. mở phiên tòa xét xử vụ án Phạm Văn Tuyển và đồng bọn phạm tội Cường đoạt tài sản đó cũng chính là biện pháp răn đe, giáo dục ý thức pháp luật đối với các bị cáo, đồng thời tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật chung trong cộng đồng nhằm ngăn ngừa tội phạm cho xã hội [55]".

Theo đó, ta có thể nhận thấy tuy phần mở đầu của bản luận tội chỉ là phần mang tính chất thủ tục, nhưng nếu Kiểm sát viên tham gia phiên tòa làm tốt phần này thì bản luận tội của họ bước đầu đã thành công trong việc thu hút được sự lắng nghe, theo dõi của những người tham dự phiên tòa và qua việc đó cũng phần nào khẳng định được phong thái, năng lực và bản lĩnh của người Kiểm sát viên đang trình bày bản luận tội, góp phần nâng cao uy tín của Viện kiểm sát. Ngược lại, nếu Kiểm sát viên trình bày phần mở đầu không lưu loát, ấp úng, trục trặc không rõ được lý do của việc đưa vụ án ra xét xử, thì sẽ gây cho người nghe cảm giác khó chịu, thiếu thiện cảm với vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trước Tòa.

Phần nội dung của luận tội

Đây là phần quan trọng nhất của bản luận tội. Nếu Kiểm sát viên giải quyết tốt phần này thì bản luận tội sẽ có tính thuyết phục cao, tạo được sự ủng hộ của nhiều người tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, nếu Kiểm sát viên chuẩn bị không tốt, bản luận tội không dựa trên những chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra, thẩm vấn công khai tại phiên tòa cũng như không phù hợp với diễn biến phiên tòa thì sẽ vấp phải sự phản bác của những người tham dự, không thuyết phục được Hội đồng xét xử, thậm chí còn làm giảm uy tín của Viện kiểm sát. Do đó, khi tham gia phiên tòa Kiểm sát viên cần đặc biệt quan tâm, chú ý đầu tư công sức, trí tuệ và thời gian vào việc chuẩn bị tốt nội dung của bản luận tội. Bởi đây là phần dài nhất và trong phần này Kiểm sát viên sẽ phải giải quyết một loạt

các vấn đề nhằm làm sáng tỏ các chứng cứ chứng minh tội phạm, tác hại của hành vi phạm tội, từ đó rút ra những bài học phòng ngừa chung.

** Về phân phân tích, tổng hợp chứng cứ trong bản luận tội*

- Kiểm sát viên phải viện dẫn và đánh giá khách quan, toàn diện và đầy đủ các chứng cứ chứng minh như: lời khai, kết luận giám định, các chứng cứ khác kèm theo sổ bút lục để xác định sự thật vụ án, xác định tội phạm đã xảy ra, người phạm tội, diễn biến hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm và ý thức chủ quan của người phạm tội. Nếu vụ án có người bào chữa thì phải lập luận bác bỏ hoặc chấp nhận và viện dẫn chứng cứ chứng minh cho lập luận của mình.

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thì, chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định, được dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án, cụ thể:

+ Về tính hợp pháp của chứng cứ:

Tính hợp pháp của chứng cứ thể hiện trước hết ở chỗ các chứng cứ của vụ án phải được thu thập một cách hợp pháp, nghĩa là nó phải được thu thập theo một trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Những gì có thật nhưng không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định thì không có giá trị pháp lý và không được dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án hình sự. Những hoạt động tố tụng về thu thập chứng cứ mà không tuân theo trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định thì các vật chứng, lời khai, tài liệu, biên bản,... thu thập được sẽ không có tính hợp pháp và không được công nhận là chứng cứ của vụ án. Ví dụ: Điều 183 BLTTHS năm 2015 bổ

sung quy định về việc hỏi cung bị can như sau: "*Trước khi hỏi cung bị can, Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên và người bào chữa thời gian, địa điểm hỏi cung. Khi xét thấy cần thiết, Kiểm sát viên tham gia việc hỏi cung bị can*" và "*Việc hỏi cung bị can tại cơ sở giam giữ hoặc tại trụ sở Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh...*". Như vậy, theo quy định mới của BLTTHS năm 2015 thì nếu việc hỏi cung bị can không được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục nêu trên thì việc hỏi cung đó không được coi là hợp pháp và Biên bản hỏi cung bị can không có giá trị là chứng cứ của vụ án hình sự.

+ Về tính xác thực, khách quan của chứng cứ:

Tính khách quan của thông tin, tài liệu, đồ vật được sử dụng làm chứng cứ thể hiện qua việc đó là những gì có thật, phản ánh trung thực những tình tiết của vụ án đã xảy ra, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Điều này có nghĩa, chứng cứ là dấu vết, là sản phẩm của hành vi phạm tội, chỉ được hình thành khi có hành vi phạm tội và gắn liền với hành vi phạm tội, sự kiện phạm tội. Nắm rõ đặc điểm này sẽ giúp cho chúng ta có phương pháp tư duy biện chứng: Hành vi phạm tội tất yếu sẽ để lại dấu vết, dấu vết đó là chứng cứ biểu hiện về mặt khách quan của tội phạm. Do vậy, bất cứ vụ án nào có chứng cứ; người phạm tội có âm mưu nham hiểm, với thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt đến đâu thì khi thực hiện hành vi phạm tội đều để lại các dấu vết của tội phạm, vấn đề là ở chỗ các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng có đủ năng lực, trách nhiệm và phương tiện để phát hiện và thu thập đầy đủ các dấu vết, chứng cứ đó hay không.

Mặt khác, tính khách quan của chứng cứ cũng đòi hỏi cơ quan và người tiến hành tố tụng có trách nhiệm phải thu thập đầy đủ, khách quan, vô tư các dấu vết, đồ vật, vật chứng, tài liệu có liên quan đến vụ án, không được thêm, bớt hoặc làm mất mát, hư hỏng, thay đổi các tài liệu, đồ vật, vật chứng đó và

điều quan trọng khi tiến hành phân tích, tổng hợp các dấu vết, đồ vật, tài liệu đó là không được suy diễn chủ quan. Thực tiễn cho thấy có những vụ án đã trở nên khó khăn phức tạp do các cơ quan tiến hành tố tụng đã làm mất đi tính khách quan của chứng cứ. Ví dụ như: khi đi khám nghiệm hiện trường không thu lượm được hết các dấu vết, đồ vật hay khi lấy lời khai thì gợi ý, mớm cung hoặc khi thực nghiệm điều tra thì tiến hành không đúng với thực tế tại hiện trường... Tình trạng này tất yếu sẽ dẫn đến sai lầm nghiêm trọng khi giải quyết vụ án hình sự, thậm chí dẫn đến làm oan người vô tội.

+ Về tính liên quan của chứng cứ:

Tính liên quan của chứng cứ là mối quan hệ giữa tài liệu, vật chứng (do người tiến hành tố tụng thu thập được) với hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội đó gây ra. Đó là mối liên hệ nội tại, khách quan giữa chứng cứ với những hành vi phạm tội - đối tượng cần chứng minh trong tố tụng hình sự. Nhờ mối liên hệ này mà các cơ quan tiến hành tố tụng có thể đánh giá được diễn biến của hành vi phạm tội xảy ra trong thực tế như thế nào. Trên cơ sở đó, Cơ quan điều tra xác định được phương hướng điều tra. Vì vậy, vấn đề rút ra ở đây là khi tiến hành điều tra thu thập chứng cứ, Kiểm sát viên cần lưu ý các Điều tra viên phải tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, đồ vật có liên quan, không bỏ sót các chứng cứ quan trọng, mấu chốt để giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, xác định thế nào là "*thu thập đầy đủ các chứng cứ*" là một việc làm hết sức định tính, phụ thuộc nhiều vào năng lực cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng. Có nhiều trường hợp, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu thập được rất nhiều tài liệu, đồ vật, nhưng khi xem xét, đánh giá thì có những tài liệu, đồ vật trong số đó không có liên quan gì đến vụ án. Do vậy, khi xem xét, đánh giá chứng cứ chúng ta cần nghiên cứu kỹ các chứng cứ đó như thế nào, ai thu thập, thu thập lúc nào, có liên quan đến vụ án hay không, liên quan như thế

nào... Trên cơ sở đó mới có căn cứ kết luận các tài liệu, đồ vật đó có liên quan đến vụ án hay không và như vậy các tài liệu, đồ vật đó có phải là chứng cứ hay không.

Như vậy, muốn cho bản luận tội có sức thuyết phục thì Kiểm sát viên phải làm tốt việc đánh giá chứng cứ một cách logic, biện chứng trên cơ sở ý thức pháp luật và niềm tin nội tâm nhằm nghiên cứu, đánh giá độ tin cậy của từng chứng cứ riêng biệt cũng như tổng hợp chứng cứ trong vụ án hình sự để rút ra kết luận về vụ án.

- Trên cơ sở đánh giá toàn bộ chứng cứ của vụ án, Kiểm sát viên sẽ khẳng định nội dung truy tố của cáo trạng là hoàn toàn đúng hoặc nêu vấn đề cần phải thay đổi, như: rút quyết định truy tố, thay đổi tội danh hoặc khung hình phạt nhẹ hơn... Đối với những vấn đề, tình tiết mới phát hiện tại phiên tòa có thể làm thay đổi nội dung, tính chất của vụ án nếu chưa được thẩm tra đầy đủ, chưa có đủ căn cứ thì Kiểm sát viên không được kết luận mà phải đề nghị hoãn phiên tòa để điều tra xác minh. Ví dụ, trong phần đánh giá chứng cứ của vụ Nguyễn Đức Mạnh phạm tội Cướp giật tài sản (theo khoản 2 Điều 136 BLHS), Kiểm sát viên Lê Thị Minh Hiền, VKSND quận K. thành phố Hải Phòng đã lập luận:

"Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án và kết quả kiểm tra tài liệu chứng cứ công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định: vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 17/11/2014 trên đường Trường Chinh, phường Quán Trữ, quận K, Nguyễn Đức Mạnh đã điều khiển xe mô tô BKS: 16M5 - 2636 giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, màu đen, ốp viền máy màu tím của chị Nguyễn Minh Ngọc ngồi sau xe đạp điện do chị Bùi Thị Ngọc Anh điều khiển đi cùng chiều với Mạnh. Chiếc điện thoại trị giá 10.500.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra (BL 83 - 94) và lời khai tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, bị cáo khai: khi bị cáo phát hiện thấy 0 người con gái đang đi xe đạp điện cùng chiều với bị cáo, thấy người con gái ngồi phía sau hai tay đang bám điện thoại di động nên bị cáo nảy sinh ý định giật chiếc điện thoại này. Bị cáo cho xe áp sát bên phải người con gái ngồi đằng sau, tay trái giật điện thoại, tay phải điều khiển xe được 15 mét thì đâm vào một xe máy đi cùng chiều bị ngã, chiếc điện thoại văng ra, bị cáo nhanh chóng nhặt lại túi quần thì bị một số người dân bắt giữ.

Lời khai của người bị hại là chị Nguyễn Minh Ngọc: tại phiên tòa hôm nay (vắng mặt) nhưng có lời khai tại CQĐT (BL 101 - 108), tại CQĐT chị Ngọc khai: Khi tôi đang nói chuyện và cầm trên tay chiếc điện thoại thì có người đàn ông điều khiển xe mô tô đi cùng chiều vượt lên và giật chiếc điện thoại của tôi. Tôi kêu lên: "Nó giật chiếc điện thoại của tôi rồi", tôi và bạn tôi cố đuổi kịp đối tượng và hô hoán nhờ mọi người giúp. Sau khi lấy điện thoại của tôi người đàn ông đó cho vào túi quần và điều khiển xe chạy về hướng Quán Trữ khoảng 15 mét thì va chạm với hai người đi đường ngã ra. Người dân xung quanh giữ lại, tôi xuống xe đi tới chỗ người đàn ông đó lấy từ túi quần bên trái ra chiếc điện thoại của tôi.

Lời khai của người làm chứng là chị Bùi Thị Ngọc Anh, chị Đinh Thị Tú Anh, Đinh Thị Thùy Trang, tại phiên tòa hôm nay (vắng mặt) nhưng có lời khai tại CQĐT (BL 112 - 130).

Như vậy, lời khai của bị cáo tại CQĐT và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, nhân chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 44 - 45), Kết luận định giá tài sản số 57/KL-ĐG ngày 21/11/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận K (BL 25); cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này, bị cáo đã sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản. Theo hướng dẫn tại mục 5.3 Mục 5 Phần I của TTLT số 02/2001/TTLT-TANDTC-BCA- BTP ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV về các tội xâm phạm sở hữu của BLHS thì: "dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại Điều 136 khoản 2 điểm d BLHS là dùng thủ đoạn để cướp giật tài sản mà nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại hoặc của người khác như dùng xe mô tô để thực hiện việc cướp giật tài sản. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung là "dùng thủ đoạn nguy hiểm" theo quy định tại Điều 136 khoản 2 điểm d Bộ luật hình sự.

Điều đó một lần nữa khẳng định Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 23/4/2015 của VKSND quận K. truy tố bị cáo Nguyễn Đức Mạnh tội Cướp giật tài sản quy định tại Điều 136 khoản 2 điểm d BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, không phát sinh một tình tiết mới nào làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đại diện VKSND quận K. vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Đức Mạnh về tội Cướp giật tài sản như nội dung cáo trạng đã truy tố trước Tòa [58]".

- Ngoài ra, khi phân tích đánh giá chứng cứ đối với vụ án có nhiều bị cáo phạm nhiều tội, Kiểm sát viên phải tuân theo quy định phân tích từ tội phạm nghiêm trọng đến tội phạm ít nghiêm trọng.

** Về phần phân tích đánh giá tính chất, mức độ tội phạm, vai trò vị trí trách nhiệm của từng bị cáo: Kiểm sát viên phải phân tích, đánh giá được các vấn đề sau đây:*

- Một là, đánh giá khách quan, trung thực, không suy diễn, không thổi phồng tính chất, mức độ của vụ án; Phân tích các tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ của vụ án; Xác định nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh

phạm tội. Ví dụ, trong vụ án Nguyễn Đức Mạnh phạm tội Cướp giật tài sản nêu trên, Kiểm sát viên đã đánh giá:

"Bị cáo Mạnh sinh năm 1988 là người có đủ năng lực TNHS, có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Bị cáo nhận thức rõ được hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng do cần tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị Ngọc. Do đó, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người khác và còn có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của chính bản thân bị cáo. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội. Về nhân thân, trước khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi ném đất đá vào người khác gây thương tích và 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản vì vậy có thể đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu nên cần xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS. Xét tình tiết giảm nhẹ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 khoản 1 điểm p BLHS nên HĐXX cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật Việt Nam.

Về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, ngoài nguyên nhân chủ yếu, chủ quan như đã phân tích ở trên thuộc về bị cáo thì nguyên nhân khách quan và đây chính là điều kiện để bị cáo thực hiện hành vi tội phạm của mình đó chính là sự sơ hở của người bị

hại trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, qua đây cũng là một bài học chung đối với mọi người sử dụng điện thoại khi tham gia giao thông [54]".

- Hai là, đánh giá xác định vị trí, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án theo hướng phân tích từ tội nghiêm trọng đến tội ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa nếu không xuất hiện tình tiết nào mới làm thay đổi nội dung truy tố thì Kiểm sát viên phân tích đánh giá vị trí, vai trò của các bị cáo theo thực tế như trong bản cáo trạng. Đối với mỗi bị cáo, Kiểm sát viên sẽ phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cụ thể được áp dụng đối với bị cáo đó. Sau đó khi phân tích xong bị cáo nào thì kết luận bị cáo đó đã phạm tội gì, được quy định tại điều, khoản, điểm nào của Bộ luật hình sự. Ví dụ, khi đánh giá xác định vị trí, vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án Nguyễn Hải Giang Trường phạm tội Đánh bạc, Kiểm sát viên quận L thành phố Hải Phòng đã lập luận:

"Trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi đánh bạc nên hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm. Tuy nhiên, cũng cần có sự đánh giá vai trò của từng bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mỗi bị cáo và xem xét về nhân thân của các bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Trường là người rủ Tuyên và Toàn chơi và là người chuẩn bị bát đĩa, lúc đầu Toàn cầm cái, sau đó Trường cầm cái chính vì vậy bị cáo là người giữ vai trò cao nhất trong vụ án và phải chịu mức án cao hơn các đồng phạm khác trong vụ án. Đối với bị cáo Toàn và Tuyên có vai trò ngang nhau (Toàn là người cầm cái lúc đầu, bị cáo Tuyên là người chuẩn bị 4 quân vị để đánh bạc, và cho các bị cáo đánh bạc tại nơi ở của mình). Đối với bị cáo Thiện, Khiêm là những người cùng chơi đánh bạc nên tính chất, mức độ hành vi phạm tội của 02 bị cáo này thấp hơn.

Xem xét quá trình nhân thân các bị cáo thấy: các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, việc phạm tội này là lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng. Tại CQĐT và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS và áp dụng mức hình phạt và loại hình phạt phù hợp đối với các bị cáo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội.

Việc các bị cáo phạm tội đánh bạc là tệ nạn xã hội, mang tính sát phạt lẫn nhau bằng tiền nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 3 Điều 248 BLHS.

Về vật chứng thu giữ gồm:

+ Đối với số tiền 2.860.000 đồng, đây là số tiền đã chứng minh được các bị cáo tham gia chơi đánh bạc bị bắt quả tang ngày 10/4/2014 nên đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Đối với 01 bộ dụng cụ để đánh bạc gồm 01 bát sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị không có giá trị sử dụng nên đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Thiện, Khiêm, Toàn và số tiền thu trong người Thiện 10.000.000 đồng, trong người Khiêm 850.000 đồng quá trình điều tra không chứng minh được các bị cáo dùng vào việc đánh bạc nên CQĐT Công an quận L đã ra quyết định xử lý trả lại cho các bị cáo.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, tôi đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo Nguyễn Hải Giang Trường, Lê Đăng Toàn, Nguyễn Văn Tuyền, Nguyễn Văn Thiện, Nguyễn Đình Khiêm đồng phạm tội Đánh bạc áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 20 BLHS; điểm p, h khoản 1 Điều 46, Điều 31 BLHS đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo...[56]".

- Ba là, trên cơ sở phân tích vị trí, vai trò và trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án, bản luận tội nêu ra những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm (như: thiếu sót, sơ hở, vi phạm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội,...) để kiến nghị với các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nhằm kịp thời khắc phục, sửa chữa những hạn chế trong công tác quản lý, điều

hành. Ví dụ: trong vụ Trần Văn Tạo phạm tội Chống người thi hành công vụ, VKSND huyện T thành phố Hải Phòng, tại phần kiến nghị, Kiểm sát viên đã kiến nghị:

"Cũng qua vụ án này cho thấy công tác quản lý các đối tượng sử dụng ma túy đá của gia đình, của chính quyền địa phương chưa thực sự hiệu quả. Các đối tượng sau khi sử dụng ma túy đá đã tự do ra nơi công cộng để thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật như vụ án này và nhiều vụ án nghiêm trọng khác. Vì vậy, kiến nghị với chính quyền địa phương và lực lượng công an làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự công cộng cần có biện pháp quản lý hữu hiệu để phòng ngừa các vụ án tương tự xảy ra [57]".

** Về phần đề nghị xử lý áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp đối với bị cáo:*

Trên cơ sở các phân tích, lập luận nói trên đồng thời nhằm phục vụ tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, một loại tội phạm nào đó nói riêng, tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương,... mà Kiểm sát viên sẽ đề nghị một mức hình phạt cụ thể để xử lý đối với bị cáo, bao gồm: hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các biện pháp tư pháp khác (nếu có). Ví dụ, đối với các bị cáo trong vụ án Đánh bạc nêu trên, Kiểm sát viên đề nghị:

"Từ những phân tích đánh giá nêu trên, tôi đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo Nguyễn Hải Giang Trường, Lê Đăng Toàn, Nguyễn Văn Tuyền, Nguyễn Văn Thiện, Nguyễn Đình Khiêm đồng phạm tội Đánh bạc áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 248, Điều 20 BLHS; điểm p, h khoản 1 Điều 46, Điều 31 BLHS đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Hải Giang Trường: 15 - 18 tháng Cải tạo không giam giữ;*
- Lê Đăng Toàn: 12 - 15 tháng Cải tạo không giam giữ;*
- Nguyễn Văn Tuyền: 12 - 15 tháng Cải tạo không giam giữ;*
- Nguyễn Văn Thiện: 09 - 12 tháng Cải tạo không giam giữ;*
- Nguyễn Đình Khiêm: 09 - 12 tháng Cải tạo không giam giữ;*

Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 03 - 05 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước...[56]".

Phần kết luận của luận tội

Tại phần kết luận, Kiểm sát viên sẽ nhấn mạnh lại một số vấn đề mà Hội đồng xét xử cần lưu tâm trước khi nghị án như: yêu cầu, mục đích, tầm quan trọng của việc xét xử vụ án, những tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa làm thay đổi quyết định truy tố của Viện kiểm sát (nếu có)... để qua đó giúp Hội đồng xét xử đưa ra một bản án nghiêm minh đúng người, đúng tội, có tác dụng giáo dục, trừng trị đối với bị cáo và đảm bảo yêu cầu phòng ngừa chung.

Ngoài ra, đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc vụ án xét xử lưu động, sau khi xây dựng xong dự thảo luận tội, Kiểm sát viên cần chuyển dự thảo luận tội cho lãnh đạo Phòng hoặc lãnh đạo Viện duyệt và góp ý để có một bản dự thảo luận tội đầy đủ, toàn diện hơn trước khi tham dự phiên tòa.

1.4.2. Trình bày luận tội tại phiên tòa

Kỹ năng trình bày luận tội là thao tác nghiệp vụ để thể hiện ngôn ngữ nói sao cho mạch lạc, trôi chảy, hùng hồn, sinh động, trang nhã, chuẩn xác, súc tích, đúng ngữ điệu, âm điệu theo phương pháp quy nạp kết hợp diễn giải, phân tích, so sánh, tổng hợp theo đúng tư duy lôgic, tránh lập luận ngụy biện, sử dụng từ ngữ đao to, búa lớn hoặc từ đa nghĩa, tối nghĩa...[62] Kiểm sát viên khi trình bày luận tội cần ăn nói lưu loát, chuẩn xác tiếng Việt và đúng ngữ điệu, âm điệu có chú ý cao độ lên xuống và nhấn mạnh đúng nhịp điệu, không được nháy giọng, pha tiếng. Nếu không, sẽ gây bức tức cho bị cáo, làm mất tính uy nghiêm nơi pháp đình và không tạo ra sức thuyết phục.

Những vấn đề cần lưu ý khi KSV trình bày luận tội:

Thứ nhất về công tác chuẩn bị: trước khi ra phiên tòa, KSV phải xây dựng dự thảo luận tội và dự trù trước một số tình huống sẽ được bổ sung bằng

chúng cứ được kiểm tra công khai tại phiên tòa trong giai đoạn xét hỏi để từ đó gắn kết nội dung xét hỏi với nội dung dự thảo luận tội. Tiếp theo, Kiểm sát viên cần luyện tập cách trình bày luận tội ở nhà để có thể kết hợp nhuần nhuyễn giữa lập luận theo tư duy logic với âm điệu ngôn ngữ do chính mình phát ra.

Thứ hai, tại phiên tòa: KSV phải trình bày nội dung luận tội một cách liên mạch, liên tục, có sự viện dẫn, sử dụng các chứng cứ chứng minh cho các luận điểm, luận chứng của mình và cố gắng thoát ly dự thảo luận tội để tạo sự sinh động, truyền cảm, thu hút cho người nghe; tránh lối lập luận lạm dụng chữ nghĩa, mệnh đề rời rạc, quy nạp sai - phi logic, lý lẽ quanh co, mơ hồ, lấy cái không bản chất, không quan trọng làm cái bản chất, quan trọng... và quan trọng nhất là KSV không được sử dụng ngôn ngữ hình thể. Bên cạnh đó, dung lượng buộc tội khi trình bày luận tội của KSV cũng không được vượt quá phạm vi chế tài hình phạt dự kiến được đề xuất cho Hội đồng xét xử lưu ý áp dụng.

Thứ ba, sau khi trình bày xong lời luận tội, KSV phải lắng nghe ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác để bổ sung và sửa chữa bản dự thảo luận tội làm căn cứ, cơ sở cho việc tranh luận, đối đáp diễn ra tiếp theo. Mọi phản ứng ngắt lời của họ sẽ tạo không khí gay gắt, gây phản ứng không tốt, làm mất uy tín của KSV. Đồng thời Kiểm sát viên phải biết tích lũy kinh nghiệm qua việc xây dựng và trình bày bản luận tội đối với từng vụ án nhất là ở các phiên tòa rút kinh nghiệm, đặc biệt là những phiên tòa xét xử các vụ án lớn, phức tạp, dư luận quan tâm hoặc các phiên tòa xét xử lưu động và phải thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm việc luận tội đối với số án đã xét xử và thường xuyên trau dồi kỹ năng này.

Cuối cùng, sau khi vụ án được xét xử xong, KSV phải hoàn chỉnh dự thảo luận tội, ký tên KSV và lưu vào hồ sơ kiểm sát án hình sự. Đây là căn cứ, cơ sở để xác định trách nhiệm của KSV trong việc buộc tội, gỡ tội, áp dụng tình tiết không đúng từ đó đề xuất mức hình phạt không phù hợp.

Kết luận chương 1

1. Trên cơ sở nghiên cứu các công trình khoa học, tài liệu, bài viết của nhiều tác giả có đề cập đến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự, đồng thời dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành, Luận văn đã bước đầu đưa ra được khái niệm về luận tội, đó là: *hoạt động nghiệp vụ do Kiểm sát viên thực hiện dựa trên những chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự và những người tham gia tố tụng khác (nếu có) tại phiên tòa, để rồi từ đó Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát trình bày quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung của bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng; kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật chung trong xã hội.*

2. Luận văn chỉ ra được ý nghĩa pháp lý, chính trị - xã hội to lớn của luận tội và nhấn mạnh phần trình bày lời luận tội của Kiểm sát viên thường được sự quan tâm chú ý theo dõi đặc biệt của những người tham dự phiên tòa và công chúng. Luận tội của Kiểm sát viên chính là công cụ để Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa.

Chương 2

HOẠT ĐỘNG LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TỰ THỰC TIỄN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội có tác động đến tình hình tội phạm và hoạt động luận tội trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Được thành lập vào năm 1888, với tổng diện tích tự nhiên trên 152.300 ha, chiếm 0,45% diện tích tự nhiên của cả nước, Hải Phòng là thành phố cảng quan trọng, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn nhất phía Bắc Việt Nam. Với đặc trưng là một thành phố ven biển cách thủ đô Hà Nội 120 km về phía Đông Đông Bắc, phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp tỉnh Hải Dương, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình, phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ thuộc biển Đông - cách huyện đảo Bạch Long Vĩ khoảng 70 km, Hải Phòng có vị trí địa lý vô cùng thuận lợi để giao lưu với các tỉnh trong nước và quốc tế thông qua hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông và đường hàng không vô cùng đa dạng.

Tính đến tháng 12/2015, dân số Hải Phòng là 2.103.500 người, trong đó dân cư thành thị chiếm 46,1% và dân cư nông thôn chiếm 53,9%, [50]. Hải Phòng là thành phố đông dân thứ ba ở Việt Nam.

Hải Phòng là "trung tâm kinh tế quan trọng" của miền Bắc nói riêng và của cả nước nói chung, dưới thời Pháp thuộc, Hải Phòng là thành phố cấp 1, ngang hàng với Sài Gòn và Hà Nội. Những năm cuối thế kỷ 19, người Pháp đã có đề xuất muốn xây dựng Hải Phòng thành "thủ đô kinh tế" của Đông Dương. Tính từ năm 2005 đến nay, Hải Phòng luôn đứng trong top 5 các tỉnh, thành phố đóng góp ngân sách nhiều nhất cả nước, sau thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Hà Nội. Năm 2015, tổng thu ngân sách của

thành phố đạt 56.288 tỷ đồng. Nền kinh tế thị trường phát triển nhanh chóng cùng những chính sách đổi mới linh hoạt của lãnh đạo thành phố đã giúp Hải Phòng thu hút được sự đầu tư của nhiều tập đoàn kinh tế lớn như tập đoàn Vingroup, Himlam, Hilton, Nguyễn Kim, Lotte, Tập đoàn Hiệp Phong (Hong Kong), Apage (Singapore),... Các tập đoàn này đã mang vào Hải Phòng hàng loạt những dự án với quy mô lớn như: dự án khu du lịch sinh thái 1 tỷ USD tại Đảo Vũ Yên (800ha); dự án Vincom Lê Thánh Tông (đã đi vào hoạt động); Vinhomes Riverside Xi Măng với tòa tháp 45 tầng; Dự án bệnh viện Vinmec, Dự án nông nghiệp công nghệ cao Vin-Eco của Vingroup; Khu du lịch, công viên 65 trò chơi tại Đảo Dấu của Himlam; Khách sạn 5 sao Hilton Trần Quang Khải, Khu đô thị Ourcity và Trung tâm thương mại Quốc tế của tập đoàn Alibaba, Khu đô thị Water-front... cùng các dự án khác như Đảo Hoa Phượng, Dragon Hill tại Đồ Sơn cho thấy một dấu hiệu tốt về sự phát triển dịch vụ và du lịch của thành phố.

Ngoài ra với lợi thế là một thành phố trực thuộc Trung ương, Hải Phòng còn là một trung tâm giáo dục lớn của Việt Nam. Các trường của Hải Phòng đều có cơ sở vật chất tốt và toàn diện. Theo số liệu năm 2012, trên địa bàn thành phố có 5 trường Đại học và học viện, 16 trường Cao đẳng, 26 trường Trung cấp chuyên nghiệp, 56 trường Trung học phổ thông và hàng trăm trường học từ bậc học cơ sở tới ngành học mầm non. Trong đó có trường Trung học Phổ Thông chuyên Trần Phú giữ Kỷ lục Việt Nam vì là trường duy nhất 21 năm liên tục có học sinh đạt giải quốc tế.

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã có những dấu hiệu chuyển biến tích cực, biểu hiện là số vụ án trên số người phạm tội đã và đang có xu hướng giảm dần qua từng năm. Điều này được biểu hiện cụ thể qua bảng thống kê sau:

Bảng 2.1. So sánh mức độ gia tăng của tội phạm trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2015 (số lượng vụ án, số lượng bị cáo đã xét xử, số lượng bị cáo đình chỉ xét xử)

	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Số vụ đã xét xử	1365	1381	1358	1250	1154
Số BC đã xét xử	2409	2443	2291	2263	1991
Số vụ bị ĐCXX	5	3	10	3	6
Số BC bị ĐCXX	5	5	12	7	9
Tổng số vụ/số BC đã giải quyết	1370/ 2414	1384/ 2448	1368/ 2303	1253/ 2270	1160/ 2000

(Nguồn: Số liệu thống kê giai đoạn 2011 - 2015 của Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin của VKSND thành phố Hải Phòng)

[15,16,17,18,19]

Qua bảng số liệu thống kê trên ta có thể thấy trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015 số lượng án của toàn thành phố Hải Phòng tuy có tăng nhẹ vào năm 2012 nhưng sau đó đã từ từ giảm dần qua các năm 2013, 2014 và giảm xuống rõ rệt nhất vào năm 2015, cụ thể: so với năm 2012, số vụ án của toàn thành phố Hải Phòng trong năm 2015 đã giảm 224 vụ/ 448 bị cáo. Đây là một con số không nhỏ nói lên nhiều ý nghĩa, trong đó phải kể đến nỗ lực rất lớn của các cơ quan tư pháp thành phố Hải Phòng nói chung và đội

ngũ cán bộ nhân viên tư pháp nói riêng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tuy nhiên bên cạnh những con số giảm đi rõ rệt và đáng khích lệ trên chúng ta vẫn có thể nhận ra số bị cáo phạm tội tính đến năm 2015 vẫn còn khá cao. Cụ thể là nhìn vào số vụ án trên số bị cáo đã giải quyết năm 2015, ta có thể ước tính trung bình cứ 01 vụ án xảy ra thì sẽ có 02 bị cáo phạm tội. Nguyên nhân của hiện tượng này một phần do những yếu tố sau đây:

- Xuất phát từ đặc điểm vị trí địa lý tự nhiên của Hải Phòng là thành phố cảng ven biển có vị trí giao lưu thuận lợi với các tỉnh trong nước và quốc tế thông qua hệ thống giao thông đa dạng (đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông, đường hàng không) nên các tội phạm liên quan đến buôn lậu, vận chuyển hàng cấm,... có điều kiện diễn ra và các tội phạm này thường đi theo "băng nhóm" chứ không hoạt động riêng lẻ.

- Trên địa bàn thành phố hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều khu vực đất trống, bỏ hoang, ít người qua lại, dân cư thưa thớt... nên rất dễ trở thành địa điểm "tụ tập" lý tưởng của nhiều đối tượng và băng nhóm tội phạm. Ví dụ như: khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, thành phố Hải Phòng là địa điểm rất "quen thuộc" của các đối tượng nghiện hút và mua bán trái phép chất ma túy; khu vực đường Quán Nam, khu vực phường Kênh Dương thuộc địa bàn quận Lê Chân thường xuyên là địa điểm xảy ra các vụ cướp hoặc cướp giật tài sản như trường hợp Trần Quang Hải và đồng bọn giết người để cướp xe mô tô tại khu vực đất tái định cư còn khá thưa thớt dân cư ở phường Kênh Dương, Hải Phòng (năm 2013).

- Các hệ thống quán bar, vũ trường phục vụ nhu cầu ăn chơi giải trí của lớp trẻ ngày càng phát triển với nhiều loại hình đa dạng, đầy cám dỗ dễ dàng trở thành nơi phát sinh các tội phạm về tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, môi giới mại dâm, chứa mại dâm,... Ví dụ: thông qua việc đột kích vào quán Karaoke Ruby, số 8 đường vòng Hồ Sen, phường Hàng Kênh, quận Lê

Chân, do Nguyễn Thị Thủy, sinh 1972, làm chủ vào đêm ngày 29/6/2016 vừa qua, C47 - Bộ Công an và lực lượng Công an thành phố Hải Phòng đã phát hiện, thu giữ được nhiều gói ma túy đá, thuốc lắc và nhiều phương tiện dụng cụ phục vụ cho việc sử dụng ma túy. Đồng thời, qua kiểm tra nước tiểu của gần 300 khách trong quán, cơ quan chức năng phát hiện được 105 người dương tính với chất ma túy nên đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính... Ngày 01/7/016, Công an thành phố Hải Phòng đã ra quyết định khởi tố vụ án “Mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” xảy ra tại quán Karaoke Ruby (số 8 Hồ Sen, quận Lê Chân, TP Hải Phòng). Cùng với đó, cơ quan điều tra đã ra lệnh bắt khẩn cấp Lê Xuân Nam (sinh năm 1986, trú tại xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng), quản lý nhân viên nữ tại quán Karaoke Ruby và Bùi Đức Huy (sinh năm 1993, trú tại xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên), cũng là quản lý tại tụ điểm ăn chơi này [61].

- Ngoài ra, xã hội phát triển, trình độ dân trí và hiểu biết pháp luật của người dân cũng ngày một được nâng cao, người dân biết tự bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cơ bản của mình. Tuy nhiên có một bộ phận không nhỏ lợi dụng sự hiểu biết đó để mà "lách luật" thực hiện những hành vi phạm tội bằng những thủ đoạn hết sức tinh vi và vô cùng xảo quyệt gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, xét về mặt số lượng thì số vụ án hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân hai cấp của thành phố Hải Phòng đã tiến hành thụ lý và xét xử sơ thẩm tuy có giảm nhưng nội dung các vụ án lại ngày càng phức tạp, số lượng vụ án có sự giáp ranh giữa các tội ngày càng tăng, điển hình như giáp ranh giữa các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tội Lạm dụng tín nhiệm nhằm chiếm đoạt tài sản; tội Dâm ô đối với trẻ em với tội Hiếp dâm trẻ em; tội Giết người với tội Cố ý gây thương tích;... gây khó khăn cho công tác truy tố và xét xử các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng. Hoạt động luận tội đối với những loại tội phạm này càng đòi hỏi Kiểm sát viên phải nâng cao hơn nữa tinh thần

trách nhiệm, kiến thức chuyên môn và kỹ năng hành nghề...để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình.

2.2. Thực trạng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng

2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân đạt được

*** Những kết quả đạt được của bản luận tội**

Nhìn chung các bản luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đều đã bám sát nội dung, yêu cầu của Quy chế và mẫu hướng dẫn số 136 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao với bố cục 3 phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận. Các bản luận tội hầu hết đã đề cập đầy đủ những vấn đề cơ bản của vụ án, thậm chí nhiều bản luận tội còn chuẩn bị khá tốt, chuẩn mực, có tính thuyết phục cao, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình hiện nay. Cụ thể:

Các bản luận tội của các Kiểm sát viên luôn nắm vững nguyên tắc “*luận chứng trước và luận tội sau*”, tức là phân tích, đánh giá chứng cứ của vụ án để xác định tội phạm, người phạm tội theo các điều, khoản nào của Bộ luật Hình sự trước rồi sau đó mới phân tích, phê phán tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án có đồng phạm, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, các biện pháp đấu tranh phòng ngừa nhằm buộc tội bị cáo và đề xuất mức hình phạt sao cho xác đáng và phù hợp.

Trong vụ án phạm tội quả tang, đơn giản, chứng cứ rõ ràng, bị cáo nhận tội, bản luận tội của Kiểm sát viên đã khắc phục được tình trạng phân tích rườm rà, dài dòng các chứng cứ, chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo góp phần giúp cho quá trình giải quyết vụ án được nhanh gọn và không gây nhàm chán cho người nghe. Mặt khác, đối với những vụ án phức tạp, chứng cứ chưa rõ ràng, bị cáo không nhận tội, lời khai của người bị hại, người làm

chúng còn nhiều mâu thuẫn... những vấn đề quan trọng, những điểm mấu chốt của vụ án lại luôn được các Kiểm sát viên nghiên cứu, xem xét một cách toàn diện trong bản luận tội của mình để qua đó làm căn cứ chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo cũng như giải quyết hết các vấn đề còn mâu thuẫn, bất hợp lý trong chứng cứ và lời khai của các bị cáo.

Các từ ngữ dùng trong bản luận tội không còn “đao to, búa lớn” hoặc có tính suy diễn, quy chụp. Không còn tình trạng chỉ mô tả diễn biến nội dung sự việc phạm tội mà không viện dẫn, sử dụng chứng cứ chứng minh kèm theo. Cụ thể, hiện nay khi phân tích bất cứ phần nào có liên quan đến hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đều viện dẫn căn cứ tại số bút lục bao nhiêu để làm căn cứ chứng minh cho cơ sở buộc tội của mình. Đồng thời, khi xây dựng dự thảo luận tội, các Kiểm sát viên đã vận dụng chính sách hình sự một cách nhuần nhuyễn trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, góp phần tuyên truyền giáo dục pháp luật, tạo lòng tin trong nhân dân vào sự công bằng và nghiêm minh của pháp luật.

**** Những kết quả đạt được trong hoạt động luận tội tại phiên tòa của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:***

- Đối với những vụ án phức tạp, nhiều đồng phạm, được nhập bởi nhiều vụ án khác nhau trên địa bàn thành phố Hải Phòng, luận tội của Kiểm sát viên đã làm rất tốt việc giới hạn phạm vi truy tố, giúp người nghe dễ theo dõi và tập trung vào nội dung vụ án, ví dụ như luận tội vụ Bùi Đức Thọ và đồng bọn phạm tội Cướp giật tài sản, tại phần mở đầu luận tội Kiểm sát viên đã nhận định:

"Bị cáo Bùi Đức Thọ cùng với 11 vụ án cướp giật tài sản xảy ra trên địa bàn các quận Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, thành phố Hải Phòng (mã số 113G) trong thời gian qua là một trong số các chuyên án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận Lê Chân khám phá. Sau nhiều ngày mai

phục, theo dõi, Cơ quan công an đã bắt giữ quả tang đối với Bùi Đức Thọ ngay sau khi bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị Trần Thị Mai tại khu vực trước cửa nhà số 567 đường Chợ Hàng, Dư Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng. Trong số hàng chục vụ án cướp giật tài sản do bị cáo Bùi Đức Thọ và các đồng phạm thực hiện, Cơ quan điều tra đã chứng minh được 04 vụ trên tổng số 11 vụ án, trong đó có 03 vụ án xảy ra trên địa bàn quận Lê Chân và 01 vụ án xảy ra trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi bị cáo Thọ bị bắt, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát truy tìm vật chứng, thu thập lời khai nhân chứng, đồng thời đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng của thành phố để những người bị hại biết và đến Cơ quan công an trình báo. Tuy nhiên, phần lớn những người bị hại và những người chứng kiến sự việc vẫn không đến Cơ quan công an trình báo, tố cáo. Trong khi đó, các tài sản mà bị cáo Thọ và các đồng phạm chiếm đoạt được chủ yếu là những tài sản nhỏ, gọn dễ dàng chuyển đổi, giao dịch như: dây chuyền trang sức, điện thoại di động, tiền mặt... hầu hết đã tiêu sài hoặc bán lại cho những người không quen biết. Do đó, Cơ quan điều tra không thể truy tìm được tài sản để thu hồi trả cho người bị hại. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân mới chỉ truy tố bị cáo Bùi Đức Thọ với 04 lần cùng các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội, trong đó có 01 lần bị cáo Thọ thực hiện tội phạm cùng với bị cáo Trương Việt Hải. Đây cũng chính là giới hạn của việc xét xử vụ án tại phiên tòa hôm nay. Những người đồng phạm khác của Thọ, gồm: Đỗ Duy Đông, Nguyễn Tuấn Anh đang được Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý sau...[56]".

Qua phần lập luận của Kiểm sát viên người nghe hiểu được tại sao Viện kiểm sát chỉ truy tố bị cáo Bùi Đức Thọ với 04 lần thực hiện tội phạm, trong đó có 01 lần bị cáo thực hiện cùng với Trương Việt Hải. Bởi vì mặc dù có 11 vụ cướp giật tài sản đã xảy ra nhưng do người bị hại và người chứng kiến không đến cơ quan Công an trình báo; tài sản chiếm đoạt được đều không thể

thu hồi nên quá trình điều tra chỉ chứng minh được 4/11 vụ cướp giật tài sản, trong đó có 03 vụ xảy ra ở địa bàn quận Lê Chân, 01 vụ xảy ra ở địa bàn quận Ngô Quyền. Do tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được trong 04 lần là 31.760.000 đồng, trong đó có 01 lần bị cáo Trương Việt Hải tham gia chiếm đoạt được 3.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát đã truy tố, xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 136 BLHS chứ không phải khoản 2 và bị cáo Thọ phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội nhiều lần*" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Từ năm 2011 đến 2015, số lượng vụ án mà các bị cáo kháng cáo và Viện kiểm sát phải kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm do mâu thuẫn quan điểm với Tòa án cấp quận, huyện chiếm tỷ lệ rất thấp so với tổng số án mà Tòa án đã thụ lý giải quyết, cụ thể:

Bảng 2.2. Số lượng vụ án Tòa án cấp sơ thẩm tại thành phố Hải Phòng đã xét xử bị kháng cáo, kháng nghị (2011 - 2015)

	2011	2012	2013	2014	2015
Thụ lý PT	186/ 256	169 /255	144 / 201	140 / 200	84/ 110
Kháng cáo	179/ 246	159/ 232	132/ 189	134/ 185	80/ 103
Kháng nghị	07/ 10	10/ 23	12 / 12	06/ 15	04/ 07

(Nguồn: Báo cáo công tác các năm 2011 - 2015 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND thành phố Hải Phòng)

[42,43,44,45,46]

Theo đó, ngoài việc giới hạn tốt phạm vi truy tố và xét xử, luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng còn làm tốt việc giới hạn phạm vi đề nghị xử lý hình phạt đối với bị cáo. Mức hình phạt mà

Kiểm sát viên đưa ra luôn được cân nhắc, lựa chọn kỹ càng dựa trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa cũng như dựa trên những ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Để rời từ đó, Kiểm sát viên luận tội đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo với một mức hình phạt phù hợp, không nặng để khiến người phạm tội bất mãn mà cũng không nhẹ để làm cho họ có tâm lý khinh nhờn pháp luật, đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật. Thực tiễn xét xử ở thành phố Hải Phòng cho thấy hầu hết mức hình phạt mà Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên luôn nằm trong phạm vi mà Kiểm sát viên đã đề nghị và mức hình phạt đó cũng được các bị cáo chấp nhận, ít có kháng cáo, kháng nghị.

** Nguyên nhân của những kết quả đạt được:*

- Trước hết là nhờ sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của tất cả các đơn vị Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói chung và các Kiểm sát viên thuộc các đơn vị đó nói riêng; là kết quả của quá trình kiểm sát vụ án hình sự từ giai đoạn điều tra, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát hồ sơ vụ án ngay từ khi nhận được tin báo tố giác tội phạm, tham gia kiểm sát khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi (nếu có) và nghiên cứu hồ sơ ngay khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án. Sau khi kết thúc điều tra, Kiểm sát viên được phân công sẽ nghiên cứu hồ sơ, đề xuất Lãnh đạo ban hành cáo trạng đồng thời trực tiếp tham gia Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án.

- Tiếp đó là do các Kiểm sát viên đã thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án. Các Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng luôn coi đây là nhiệm vụ trọng tâm và hết sức cần thiết, không lơ là hay chủ quan trong công tác này nhằm nắm vững nội dung vụ án ngay từ giai đoạn điều tra, nếu có vấn đề phát sinh thì xin ý kiến chỉ đạo để giải quyết dứt điểm,

củng cố thêm chứng cứ đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp, những lời khai nhiều mâu thuẫn.

- Trước khi tham gia thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, Kiểm sát viên luôn chuẩn bị kỹ đề cương xét hỏi, xây dựng bản dự thảo luận tội chi tiết, cẩn thận, dự liệu trước các tình huống sẽ phát sinh hoặc hướng bào chữa của các Luật sư tham gia phiên tòa, đồng thời ghi chép đầy đủ các tình tiết mới phát sinh tại Tòa để kịp thời sửa chữa, bổ sung vào bản luận tội cho phù hợp với thực tế diễn biến tại phiên tòa.

- Khi luận tội các Kiểm sát viên không chỉ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được kiểm tra công khai, toàn diện, đầy đủ qua các tài liệu chứng cứ và ý kiến của những người tham gia tại phiên tòa mà còn phân tích, phê phán thủ đoạn phạm tội của bị cáo, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Mặt khác, thông qua luận tội, các Kiểm sát viên còn phân tích, phê phán bác bỏ những quan điểm sai trái của bị cáo, của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác nhằm bảo vệ quan điểm đúng đắn dựa trên các chứng cứ khách quan đã được kiểm chứng tại phiên tòa. Trên cơ sở đó, Kiểm sát viên đề xuất đường lối giải quyết vụ án đúng đắn, phù hợp, làm cho việc luận tội được sinh động, có sức thuyết phục người nghe.

- Cuối cùng, nhờ sự quan tâm, chỉ đạo của các Lãnh đạo viện và các Trưởng phòng nghiệp vụ, kết hợp với việc quán triệt kịp thời những văn bản hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các văn bản rút kinh nghiệm của Viện kiểm sát các cấp trong việc dự thảo luận tội cũng như việc tranh luận, đối đáp trong phiên tòa hình sự. Đồng thời, nhờ sự nỗ lực tìm tòi học hỏi, sự nhạy bén và khả năng ứng xử, đối đáp linh hoạt của các Kiểm sát viên trong phiên tòa hình sự mà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Hải Phòng đã từng bước củng cố, nâng cao chất lượng của bản luận tội và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2.2.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

2.2.2.1. Những tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, qua thực tiễn xét xử tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm tại thành phố Hải Phòng cho thấy tình trạng Kiểm sát viên trình bày phần mở đầu của bản luận tội chưa đúng mẫu vẫn còn đang tiếp tục xảy ra. Cụ thể vẫn còn những trường hợp khi ra phiên tòa Kiểm sát viên quên không giới thiệu họ tên mình mà chỉ giới thiệu chung chung là đại diện Viện kiểm sát như: "Phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa đã kết thúc, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N thành phố Hải Phòng thực hành quyền công tố..." hoặc đáng lẽ sau khi giới thiệu và nêu ngắn gọn mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đưa vụ án ra xét xử, Kiểm sát viên phải nói: "Với trách nhiệm, quyền hạn là người thực hành quyền công tố Nhà nước, chúng tôi trình bày quan điểm về việc xử lý đối với bị cáo (hoặc các bị cáo) và giải quyết đối với vụ án như sau..." và sau đó bắt đầu vào phân tích, đánh giá các chứng cứ, tính chất, mức độ của vụ án và đề nghị xử lý đối với bị cáo thì Kiểm sát viên chỉ nói: "Phần xét hỏi công khai tại phiên tòa đã kết thúc, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, tôi trình bày lời luận tội đối với bị cáo như sau:...[50]" là chưa đúng quy định. Mặt khác, có trường hợp Kiểm sát viên lại trình bày quá ngắn gọn và không đầy đủ, thiếu hẳn phần nêu mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, tầm quan trọng của việc xét xử vụ án, như:

"Thưa Hội đồng xét xử!

Hôm nay, ngày 25/4/2014, Tòa án nhân dân quận N. mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai đối với bị cáo Đặng Xuân V. về tội Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản theo Cáo trạng truy tố số 66 ngày 12/6/2014 của Viện kiểm sát nhân dân quận N. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N. thực hành quyền công tố tại phiên tòa hôm nay, tôi trình bày lời luận tội đối với bị cáo như sau...[51]".

Thứ hai, khi trình bày nội dung luận tội, vẫn còn tình trạng nhiều Kiểm sát viên chưa lấy kết quả điều tra công khai tại phiên tòa để làm căn cứ cho nội dung luận tội. Điều này thể hiện qua việc các Kiểm sát viên vẫn vin vào "tài liệu có trong hồ sơ vụ án" hoặc "lời khai tại cơ quan điều tra" để mở đầu cho việc chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo là chưa đúng với tinh thần cải cách tư pháp hiện nay. Hay nói cách khác, điều trên chứng tỏ các Kiểm sát viên đã không lồng ghép được kết quả của phần xét hỏi vào trong nội dung phần luận tội của mình, khiến cho phần trình bày lời luận tội của Kiểm sát viên không sát và phù hợp với diễn biến tại phiên tòa. Cụ thể, một số bản luận tội nếu đem so sánh nội dung với bản án thì thấy có những tình tiết Kiểm sát viên đã không nêu khi trình bày luận tội. Ví dụ: trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, nhưng trong luận tội của Kiểm sát viên không đề cập trách nhiệm bồi thường về dân sự đối với bị cáo có đặt ra hay không.

Mặt khác, có nhiều bản luận tội tuy dài nhưng lại thiếu chặt chẽ, chưa theo đúng trình tự logic của luận tội theo mẫu, là chứng minh tội phạm, phân tích đánh giá mức độ nguy hiểm của tội phạm, phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trên cơ sở đó mới kết tội và đề nghị mức hình phạt hoặc có bản luận tội lại diễn đạt chưa rõ ý, còn lộn xộn, lủng củng về câu chữ. Ví dụ sau khi kết luận bị cáo đã phạm tội, một Kiểm sát viên viết: "Việc tạm giam, truy tố và đưa bị cáo ra xét xử theo nguyên tắc vi phạm pháp luật thì sẽ bị pháp luật trừng trị, ngoài ra còn là bài học cho những người coi thường mạng sống của người khác chỉ vì lợi ích của mình dẫn đến

hậu quả mà bị cáo phải chịu sự phán quyết của pháp luật[50]”. Có bản luận tội lại đi sâu phân tích lần lượt đầy đủ bốn yếu tố cấu thành tội phạm như trong bài học ở trường mà không chú ý phân tích đánh giá chứng cứ, chứng minh các yếu tố đó. Hoặc có bản luận tội chưa chú trọng phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, nên khi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và hình phạt đã bỏ sót một số tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Thứ ba, theo quy định thì sau khi đánh giá chứng cứ, xác định vai trò của bị cáo xong, Kiểm sát viên cần nêu những thiếu sót, sơ hở, vi phạm trong lĩnh vực quản lý kinh tế hoặc quản lý xã hội để từ đó kiến nghị, đề ra biện pháp khắc phục. Tuy nhiên có bản luận tội đã không nêu nội dung kiến nghị đó trong phần nội dung mà đặt ở cuối bài luận tội, ví dụ, sau khi trình bày xong phần đề nghị xử lý, tại phần kết luận Kiểm sát viên trình bày:

"Thưa Hội đồng xét xử!

Qua phiên tòa này, chúng ta thấy bị cáo có thể dễ dàng đột nhập vào cơ quan, công sở và thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản như vậy nguyên nhân một phần là do sự sơ xuất, mất cảnh giác của chủ tài sản, sự quản lý thiếu chặt chẽ của những người được giao nhiệm vụ bảo vệ các cơ quan, công sở. Vì vậy, qua vụ án này mỗi người dân cần nâng cao tinh thần cảnh giác, thận trọng giữ gìn tài sản của mình hơn nữa. Các cơ quan, công sở nói chung và trường Cao đẳng cộng đồng Hải Phòng nói riêng cần đảm bảo an ninh chặt chẽ hơn nữa để tránh được những tội phạm tương tự như vậy xảy ra.

Trên đây là quan điểm, đánh giá về vụ án, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, quan điểm về việc xử lý đối với bị cáo và giải quyết đối với vụ án trên cơ sở chính sách pháp luật về hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi nghị án [50]".

Thứ tư, các bản luận tội tuy không còn từ “đạo to, búa lớn”, nhưng vẫn còn tình trạng một số Kiểm sát viên luận tội theo kiểu “nâng cao quan điểm”, dùng từ ngữ không chính xác, chưa đúng mức như có Kiểm sát viên luận tội về hành vi đánh bạc đối với bị cáo chưa có tiền án, tiền sự như sau: “hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội và nếp sống văn minh mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác [50]”. Hoặc trong vụ án đưa ra xét xử các bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số lượng nhỏ và bị truy tố theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự với tính chất tội phạm có mức độ, nhưng Kiểm sát viên vẫn đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi như sau: “*bị cáo... nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội. Không những gây ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, tương lai, cuộc sống của chính bản thân bị cáo mà còn góp phần gây ra những tệ nạn, hủy hoại đạo đức con người, các gia đình tan vỡ, khánh kiệt, có tác động tiêu cực tới đời sống của mọi tầng lớp nhân dân [50]*”. Cách đánh giá này là không phù hợp, thiếu sức thuyết phục,

Có trường hợp các lý lẽ trong luận tội còn thể hiện sự lúng túng, mâu thuẫn trong lập luận của Kiểm sát viên, ví dụ trong một bản luận tội, ở phần trên Kiểm sát viên nhận xét về bị cáo đã có tiền án nhưng đã được xóa án tích “là người khó giáo dục, cải tạo, không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội”. Nhưng ngay sau đó, Kiểm sát viên nhận định: “*tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo luôn khai báo thành khẩn, tỏ ra là người biết ăn năn hối cải [50]*” để đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Thứ năm, phần luận tội của một số Kiểm sát viên còn có nhược điểm là không xuất phát từ vụ án cụ thể, từ hành vi, hậu quả hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân cụ thể của bị cáo nên đã không nhận xét, đánh giá chính

xác tính chất vụ án. Ví dụ luận tội về hành vi chứa mại dâm đối với bị cáo lần đầu phạm tội theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự, có Kiểm sát viên nhận xét như sau: *“Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội và nếp sống văn minh mà còn xâm phạm đến sức khỏe con người, là nguyên nhân làm lây truyền một số bệnh nguy hiểm do vi rút gây nên. Đồng thời là một trong những nguyên nhân làm tan vỡ hạnh phúc gia đình của nhiều người, bị xã hội và dư luận lên án mạnh mẽ [50]”*.

Thứ sáu, có nhiều bản luận tội na ná giống nhau. Ví dụ như luận tội trong các vụ án Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, nếu có khác nhau chỉ là họ tên bị cáo, trọng lượng ma túy khiến cho phần trình bày luận tội tại phiên tòa của Kiểm sát viên trở nên nhàm chán, kém sinh động, làm giảm chất lượng của hoạt động luận tội. Đồng thời qua đó cũng phản ánh thực trạng chung đang diễn ra là ở một số vụ án đơn giản, Kiểm sát viên khi chuẩn bị luận tội đã “sao chép, cắt dán”, thể hiện tính cầu thả, thiếu trách nhiệm.

Thứ bảy, có bản luận tội chỉ chú ý tập trung phân tích trách nhiệm hình sự, nhưng không đề cập trách nhiệm dân sự hoặc có đề cập một cách chung chung, không nêu được căn cứ, cơ sở chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn dân sự, người bị hại, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử quyết định việc bồi thường. Khi chuẩn bị luận tội do không đề cập cụ thể đến vấn đề dân sự trong vụ án hình sự nên bản án của Tòa án đã quyết định sai việc bồi thường dân sự, xử lý vật chứng nhưng Kiểm sát viên không phát hiện ra (Ví dụ: vụ Lê Anh Tuấn, Đỗ Anh Tuấn phạm tội Cướp tài sản bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng kháng nghị trên một cấp về việc bồi thường dân sự).

Ngoài ra, một trong những yêu cầu khác của hoạt động luận tội là phải phân tích thủ đoạn phạm tội, xem xét mục đích và động cơ phạm tội, mức độ

hậu quả do tội phạm gây ra, nêu những thiếu sót, sơ hở, vi phạm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xác định nguyên nhân, điều kiện tội phạm, kiến nghị với các cơ quan, đơn vị rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp khắc phục, sửa chữa. Đây là những yêu cầu quan trọng, trong một số vụ án bắt buộc Kiểm sát viên phải nêu phần kiến nghị này trong bản luận tội nhưng vấn đề này chưa được nhiều Kiểm sát viên chú trọng, quan tâm. Điều này thể hiện qua việc có những vụ án nghiêm trọng, phức tạp được dư luận quan tâm, chú ý nhưng khi luận tội Kiểm sát viên chỉ đề cập đến vấn đề này sơ sài hoặc kiến nghị chung chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố có nhiệm vụ bảo vệ cáo trạng, quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát truy tố người có hành vi phạm tội để xét xử trước Tòa án. Vì vậy, trong bản luận tội, sau khi đã chứng minh tội phạm, định tội danh đối với bị cáo, Kiểm sát viên cần khẳng định bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đối với các phiên tòa không có tình tiết mới phát sinh làm thay đổi nội dung cáo trạng, thì việc Kiểm sát viên trong bản luận tội vẫn nói “tôi giữ nguyên bản cáo trạng” hoặc “giữ nguyên quan điểm truy tố” là chưa phù hợp.

Thứ tám, theo quy định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tại phần kết luận của bản luận tội, Kiểm sát viên cần lưu ý với HĐXX về yêu cầu, mục đích, tầm quan trọng của việc xét xử vụ án để có quyết định chính xác; đồng thời lưu ý HĐXX về những quan điểm mới phát sinh tại phiên tòa, những thay đổi trong quyết định truy tố của VKS tại phiên tòa (nếu có) để HĐXX lưu ý, quan tâm khi nghị án. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, nhiều Kiểm sát viên chưa thực sự quan tâm đến phần này. Cụ thể, sau khi đề nghị xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các biện pháp tư pháp, các Kiểm sát viên thường kết luận bài luận tội một cách khá ngắn gọn như: "*Trên đây là quan điểm giải quyết vụ án của VKSND quận N tại phiên tòa hôm nay. Đề*

ngị HĐXX xem xét, cân nhắc để tuyên một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật [55]" hoặc "Trên đây là toàn bộ quan điểm giải quyết vụ án của VKS đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX tiếp tục làm việc [56]" là chưa đảm bảo theo quy định.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

** Nguyên nhân khách quan*

- Về công tác đào tạo, bồi dưỡng: Việc theo dõi, đánh giá, tập huấn về luận tội chưa thực sự thường xuyên, ở từng đơn vị thiếu những cuộc trao đổi rút kinh nghiệm trực tiếp của lãnh đạo phụ trách với Kiểm sát viên thực hành quyền công tố.

- Về điều kiện vật chất: trang thiết bị của các đơn vị chưa đủ cho mỗi Kiểm sát viên 01 máy vi tính hoặc phòng làm việc còn chật chội, nơi lưu trữ tài liệu tham khảo, phòng đọc không có. Mặt khác, mặt bằng về trình độ của các Kiểm sát viên chưa đồng đều cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng luận tội nói chung.

- Về bất cập của pháp luật: BLTTHS hiện hành thì chưa có quy định riêng về hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hầu hết khi xây dựng luận tội, các Kiểm sát viên đều phải căn cứ theo mẫu hướng dẫn trong Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng VKSND tối cao. Vì vậy dẫn đến sự thiếu thống nhất trong quá trình xây dựng và trình bày luận tội của KSV tại phiên tòa.

** Nguyên nhân chủ quan:*

Một số Kiểm sát viên chưa nhận thức được hết tầm quan trọng và ý nghĩa của hoạt động luận tội cũng như chưa thấy được luận tội là cốt lõi của hoạt động công tố. Vẫn còn tình trạng có thái độ ỷ lại vào đội ngũ Chuyên viên, Kiểm tra viên giúp việc mà không tham gia nghiên cứu hồ sơ từ giai

đoạn đầu, lơ là công tác chuẩn bị trước khi ra phiên tòa và tại phiên tòa không chú ý ghi chép, theo dõi diễn biến vụ án để bổ sung vào bản dự thảo luận tội.

Trình độ năng lực của Kiểm sát viên còn nhiều hạn chế. Nhiều Kiểm sát viên chưa chịu khó học hỏi, tự rèn luyện để nâng cao kỹ năng, trình độ nghề nghiệp, do chưa thật sự nắm vững và vận dụng được nhuần nhuyễn các kiến thức pháp luật mà một số Kiểm sát viên khi viết luận tội kết quả chưa đạt yêu cầu. Ngược lại, một bộ phận không nhỏ Kiểm sát viên ỷ lại thâm niên công tác, có thái độ chủ quan, qua loa, đại khái, theo lối mòn, không cập nhật các hướng dẫn mới dẫn đến hạn chế trong chất lượng luận tội.

Mặt khác, nhiều Kiểm sát viên không cân đối được công việc gia đình, công việc cá nhân với công việc cơ quan nên không sắp xếp được thời gian đầu tư, nghiên cứu hồ sơ và chuẩn bị cẩn thận dự thảo bản luận tội, dẫn đến tình trạng một số bản luận tội trước Tòa còn khá sơ sài.

Bên cạnh đó, Lãnh đạo một số đơn vị thường chú trọng đến các vụ án điểm, án mẫu hoặc vụ án được dư luận xã hội chú ý nhưng đối với những vụ án đơn giản còn thiếu quan tâm đến việc chuẩn bị luận tội trước khi tham dự phiên tòa của Kiểm sát viên.

Kết luận chương 2

1. Qua việc nêu ra những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến tình hình tội phạm và hoạt động luận tội trên địa bàn thành phố Hải Phòng, Luận văn đánh giá sơ bộ về tình hình tội phạm trên địa bàn thành phố Hải Phòng những năm gần đây (tính từ 2011 - 2015) đã có những dấu hiệu chuyển biến tích cực, biểu hiện là số vụ án trên số người phạm tội đã và đang có xu hướng giảm dần qua từng năm. Tuy nhiên số lượng bị cáo phạm tội vẫn còn khá cao, cứ trung bình 01 vụ án xảy ra thì sẽ có 02 bị cáo phạm tội.

2. Thông qua phân tích những kết quả mà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân hai cấp tại thành phố Hải Phòng đạt được trong giai đoạn từ 2011 - 2015, Luận văn khẳng định những kết quả đã đạt được trên là do sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của tất cả các đơn vị Viện kiểm sát nhân dân trên địa bàn thành phố Hải Phòng nói chung và các Kiểm sát viên thuộc các đơn vị đó nói riêng.

3. Luận văn làm rõ những tồn tại, hạn chế trong hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó, bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan.

Chương 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG LUẬN TỘI CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA HÌNH SỰ SƠ THẨM TỪ THỰC TIỄN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

3.1. Yêu cầu tăng cường biện pháp bảo đảm hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự sơ thẩm

Vấn đề cải cách tư pháp hiện nay là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết để có thể thích ứng với những đổi mới về kinh tế, chính trị, xã hội. Vấn đề này đã được chính thức đặt ra tại các Đại hội sau đó của Đảng và ghi nhận trong các Nghị quyết Trung ương 8 - khoá VII, Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 7 - khoá VIII, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 và đặc biệt là Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, với nội dung trọng tâm là: *“Nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp”*. Trên cơ sở đánh giá kết quả đã đạt được và những tồn tại, bất cập trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử án hình sự, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng cần khẩn trương khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong hoạt động công tác của mình, đồng thời tiếp tục quán triệt tinh thần của các Nghị quyết Trung ương về công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới. Việc này đang là nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước nói chung và của các cơ quan tư pháp nói riêng nhằm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ Kiểm sát viên, của tập thể cán bộ công chức, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng từng bước đổi mới về tổ chức và hoạt động, bước đầu có sự chuyển biến tích cực,

chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; góp phần quan trọng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát nhân dân và củng cố niềm tin của nhân dân đối với các cơ quan tư pháp.

Từ năm 2011 đến nay, ngành kiểm sát Hải Phòng đã triển khai nhiều biện pháp để phấn đấu thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; tập trung tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát trong tiến trình cải cách tư pháp, các quy định mới của Nhà nước liên quan chức năng, nhiệm vụ của ngành. Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp tiếp tục có chuyển biến tích cực; chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực hoạt động kiểm sát được nâng cao. Tuy nhiên, trước những yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế gắn với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, đòi hỏi ngành Kiểm sát nhân dân nói chung và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng nói riêng phải có sự đổi mới toàn diện, sâu sắc trên các lĩnh vực công tác kiểm sát nhằm tổ chức thực hiện tốt hơn chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Trong đó, việc tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử nói chung và nâng cao chất lượng, kỹ năng luận tội nói riêng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự trong thời gian tới là một việc làm cấp bách và cần thiết.

3.2. Giải pháp tăng cường triển khai các biện pháp thực hiện quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên

BLTTHS năm 2003 đã đáp ứng phần nào yêu cầu về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Tuy nhiên, như đã phân tích trên, trong thực tiễn thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 còn phát sinh nhiều tồn tại, cần được xem xét, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và để đáp ứng được yêu cầu thực hiện hoạt động luận tội của Viện kiểm sát. Bộ luật tố

tụng hình sự năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua vào ngày 27 tháng 11 năm 2015 về cơ bản cũng đã giải quyết những bất cập, vướng mắc trong thực tiễn thi hành. Tuy vậy, liên quan đến hoạt động luận tội của Viện kiểm sát vẫn còn những khó khăn trong thực tiễn mà chưa được BLTTHS năm 2015 khắc phục. Trong phạm vi nghiên cứu liên quan đến đề tài, chúng tôi mạnh dạn đề xuất những giải pháp tăng cường các biện pháp bảo đảm triển khai thực hiện Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nhằm tạo cơ sở để Viện kiểm sát thực hiện tốt chức năng công tố nói chung cũng như hoạt động luận tội nói riêng tại phiên tòa.

Thứ nhất, việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 có lợi cho người phạm tội phải được tiến hành khẩn trương, trình cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai thi hành, không chờ đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành.

Thứ hai, ban hành Quy chế mới về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự;

Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải nhanh chóng có văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động luận tội phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thay cho Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng VKSNDTC. Quy chế này được ban hành và cụ thể hóa quy định của BLTTHS năm 2003. Theo đó, sau khi kết thúc việc xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; nếu thấy không có căn cứ để kết tội thì rút toàn bộ quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không có tội. Luận tội của Kiểm sát viên phải căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham

gia tố tụng khác tại phiên toà...(Điều 217 BLTTHS năm 2003 về trình tự phát biểu khi tranh luận). Theo đó, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 mới chỉ quy định rất chung chung về việc tại phiên tòa Kiểm sát viên cần trình bày lời luận tội, mà chưa quy định rõ nội dung của bản luận tội đó phải như thế nào? Chỉ trong Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng VKSNDTC), tại Điều 23 mới có quy định cụ thể về các yêu cầu cần đạt được trong bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa nhưng cũng chưa hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp.

Khắc phục hạn chế trên của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, trên cơ sở tranh luận dân chủ tại phiên tòa, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã bổ sung quy định riêng về luận tội của Kiểm sát viên tại Điều 321 gồm có 4 khoản: khoản 1 giữ nguyên một phần nội dung được tách ra từ khoản 1 Điều 217 BLTTHS năm 2003 để quy định về những căn cứ xây dựng bản luận tội của Kiểm sát viên; khoản 2, khoản 3, khoản 4 quy định cụ thể về nội dung luận tội, lời đề nghị kết tội và kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật qua vụ án.

Pháp luật thay đổi, luật mới ra đời thay thế cho luật cũ tất yếu kéo theo các văn bản pháp luật đã được ban hành trên cơ sở của luật cũ phải thay đổi, bổ sung hoặc phải được ban hành mới để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật. Như chúng ta đã biết, Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của toàn ngành kiểm sát ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện trưởng VKSNDTC được xây dựng chủ yếu dựa trên cơ sở các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Tuy nhiên đến ngày 01/7/2016, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã hết hiệu lực thi hành do đó việc sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế nghiệp vụ mới phục vụ cho công tác thực hành quyền công tố

và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của toàn ngành kiểm sát là điều hết sức cần thiết và phải được nhanh chóng được thực hiện.

Mặt khác, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ra đời với 510 điều luật, gần như gấp đôi số lượng điều luật quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, đã bổ sung thêm rất nhiều quy định pháp luật mới, trong đó có quy định riêng về luận tội của Kiểm sát viên. Do đó việc sửa đổi quy định về luận tội tại Điều 23 Quy chế cũ cũng cần được đặt ra và quy định theo hướng:

Điều.... Luận tội

1. Trước khi tham gia phiên toà Kiểm sát viên phải dự thảo bản luận tội theo mẫu của Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đối với vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo Viện cho ý kiến.

2. Tại phiên toà Kiểm sát viên phải ghi chép những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra và ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác để chỉnh sửa bản dự thảo luận tội.

Sau khi kết thúc việc xét hỏi Kiểm sát viên trình bày luận tội, đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung cáo trạng hoặc kết luận về khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật **hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn nếu có căn cứ**. Luận tội của Kiểm sát viên chỉ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên toà.

3. Bản luận tội phải đạt các yêu cầu sau đây:

a) Phải phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ; đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, hậu quả gây ra, vai trò trách nhiệm và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để đề xuất áp dụng pháp luật và vận

dụng chính sách xử lý cho phù hợp; khi nêu hành vi phạm tội phải viện dẫn các chứng cứ để chứng minh bảo đảm lô-gíc và sắc bén.

b) Phân tích phê phán thủ đoạn phạm tội của bị cáo; phân tích bác bỏ những quan điểm không phù hợp với vụ án của những người tham gia tố tụng khác để làm sáng tỏ sự thật, bảo vệ chính sách pháp luật, thể hiện tính đấu tranh và tính thuyết phục của luận tội. Khi phân tích bác bỏ các quan điểm không phù hợp phải viện dẫn các chứng cứ để chứng minh.

c) **Xác định nguyên nhân và điều kiện phạm tội, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.**

4. **Việc đề nghị áp dụng về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, bồi thường thiệt hại (nếu có), xử lý vật chứng chính xác, cụ thể theo Điều, khoản, điểm của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự và các văn bản pháp luật khác.**

5. Bản luận tội của Kiểm sát viên phải lưu hồ sơ kiểm sát.

Thứ ba, về nội dung bản luận tội, cần quy định linh hoạt hơn về thứ tự trình bày của Kiểm sát viên trong phần mở đầu của bản luận tội:

Theo Hướng dẫn viết luận tại mẫu số 136 ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì trong phần mở đầu của bản luận tội, Kiểm sát viên phải trình bày theo thứ tự:

+ Bắt đầu vào luận tội bằng câu: "*Thưa hội đồng xét xử*".

+ Sau đó, Kiểm sát viên tự giới thiệu mình là ai, đại diện cho Viện kiểm sát nào, thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm xét xử về hình sự vụ án "Nguyễn Văn A" hoặc " Nguyễn Văn A và đồng phạm" (đối với vụ án có nhiều bị cáo) bị truy tố về tội E, (hoặc các tội F, G, H)...

+ Tiếp đó, Kiểm sát viên nêu mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, tầm quan trọng của việc xét xử vụ án. Giới thiệu tóm tắt tội danh của vụ án, các bị cáo được đưa ra xét xử (không đi vào nội dung của vụ án).

+ Cuối cùng, Kiểm sát viên nói với trách nhiệm, quyền hạn là người thực hành quyền công tố Nhà nước, chúng tôi trình bày quan điểm về việc xử lý đối với bị cáo (các bị cáo) và giải quyết đối với vụ án như sau:...

Tuy nhiên, từ thực tiễn việc xây dựng và trình bày luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng cho thấy không phải lúc nào phần mở đầu của các bản luận cũng được trình bày theo thứ tự trên. Bởi tùy theo từng vụ án cụ thể mà các Kiểm sát viên có cách mở đầu bản luận tội khác nhau, tạo nên điểm nhấn riêng cho từng vụ án, không gây nhàm chán cho người nghe. Ví dụ như trong bản luận tội vụ Bùi Đức Thọ phạm tội Cướp giạt tài sản đã được phân tích ở trên, ta có thể thấy đây là một vụ án phức tạp xảy ra trên nhiều địa bàn thuộc thành phố Hải Phòng. Bị cáo Thọ đã thực hiện 11 vụ cướp giạt tài sản nhưng Cơ quan điều tra chỉ mới chứng minh được 4/11 vụ, do đó trong phần mở đầu Kiểm sát viên đã giải thích và giới hạn phạm vi truy tố của vụ án, qua đó giúp người nghe và Hội đồng xét xử nắm bắt được nội dung vụ án và hiểu được căn cứ phân tích, lập luận để kết tội bị cáo của Kiểm sát viên.

Hoặc như trong luận tội của vụ Trần Thị Minh Nguyệt phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn, để nói lên sự cần thiết và tầm quan trọng của việc xét xử bị cáo, Kiểm sát viên đã chuyển phần nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đưa vụ án ra xét xử lên trước phần giới thiệu về mình, cụ thể, Kiểm sát viên đã mở đầu luận tội như sau:

"Thưa Hội đồng xét xử!

Việc thành lập các doanh nghiệp nhằm buôn bán hóa đơn đã xảy ra từ nhiều năm nay và ngày càng có chiều hướng phức tạp. Các đối tượng dưới danh nghĩa thành lập doanh nghiệp đã móc nối với các đối tượng khác để cung cấp, tiêu thụ hóa đơn cho các doanh nghiệp có nhu cầu hợp thức hóa đầu vào nhằm trục lợi, làm thất thu ngân sách Nhà nước.

Hôm nay, tại trụ sở TAND quận H mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai đối với bị cáo Trần Thị Minh Nguyệt bị VKSND quận H truy tố về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 164a BLHS.

Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa đã kết thúc, tôi - Nguyễn Thị A, đại diện VKSND quận H thực hành quyền công tố tại phiên tòa hôm nay trình bày quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án và quan điểm xử lý đối với bị cáo Trần Thị Minh Nguyệt như sau:...[53]"

Theo đó, tác giả luận văn kiến nghị trong phần mở đầu của bản luận tội, Quy chế chỉ cần quy định các Kiểm sát viên phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao còn việc sắp xếp các nội dung trên theo thứ tự như thế nào thì sẽ tùy theo vào cách hành văn của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Bởi tuy chỉ là phần mang tính thủ tục nhưng nếu phần mở đầu của Kiểm sát viên gây ấn tượng tốt thì sẽ có tác dụng không nhỏ cho thành công của việc trình bày bản luận tội. Mặt khác, phần mở đầu của bản luận tội còn là cơ hội để Kiểm sát viên tham gia phiên tòa một lần nữa khẳng định với những người tham dự phiên tòa về vị trí, vai trò của mình là người đại diện cho Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước trình bày quan điểm về việc xử lý bị cáo và giải quyết vụ án.

3.3. Giải pháp khác

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hai cấp thành phố Hải Phòng cần quan tâm hơn nữa đến công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát án hình sự nói chung và công tác kiểm sát xét xử nói riêng, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng bản dự thảo luận tội và hoạt động luận tội của Kiểm sát viên trước tòa. Tùy theo tính chất của từng vụ án cụ thể mà Lãnh đạo Viện có sự chỉ đạo, hướng dẫn Kiểm sát viên được giao được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự đầu tư thời gian thích hợp để nghiên cứu hồ sơ, viết Dự thảo luận tội một cách kỹ lưỡng, chu đáo; khi viết xong bản Dự luận tội thì đồng chí Viện trưởng hoặc Phó viện trưởng phụ trách hình sự phải duyệt “Dự thảo luận tội” để tránh sai sót, nhầm lẫn không đáng có.

Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (cấp tỉnh) và các phòng nghiệp vụ (Phòng 1, 2, 3) cần quan tâm hơn nữa đến công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự nói chung, trong đó có việc nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Đặc biệt quan tâm, chú ý đến việc truyền đạt, hướng dẫn Kiểm sát viên kỹ năng xét hỏi trực tiếp, kỹ năng xây dựng bản luận tội và trình bày, phát biểu luận tội; kỹ năng đối đáp, tranh tụng tại phiên tòa. Thường xuyên thực hiện việc tổ chức các Hội nghị, Hội thảo để tổng hợp, rút kinh nghiệm những việc đã làm được và những vấn đề còn thiếu sót, bất cập trong công tác này để nhằm nâng cao chất lượng hoạt động luận tội cho các Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của Kiểm sát viên:

Mỗi cá nhân Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm tại phiên tòa hình sự cần phải ý thức rõ tầm quan trọng của luận tội để đầu tư thời gian và công sức hơn nữa cho công tác này.

Các Kiểm sát viên phải thường xuyên nâng cao trình độ nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, kinh tế, chính trị, đời sống xã hội bằng việc tự học và tham dự các lớp đào tạo chuyên sâu, các buổi tập huấn, nghiên cứu tổng kết rút kinh nghiệm từ thực tế giải quyết các vụ án để kịp thời cập nhật các kiến thức, thông tin trong các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật mới ban hành, các văn bản tổng kết, rút kinh nghiệm của Ngành,...; nắm vững các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì chỉ khi Kiểm sát viên nắm chắc những gì mình viết, mình nói là đúng thì mới nâng cao tính chủ động, tự tin khi trình bày luận tội và tranh luận tại phiên tòa. Mặt khác Kiểm sát viên cũng cần phải nâng cao hơn nữa trình độ tin học, ngoại ngữ và vốn từ tiếng Việt của mình để việc soạn thảo luận tội được chính xác về từ ngữ.

Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự, các Kiểm sát viên không những phải nắm vững các yếu tố cấu thành tội phạm, phải xem xét, đánh giá kỹ cả chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội cũng như các tình tiết khác có liên quan đến vụ án, nắm chắc các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản dưới luật quy định về những vấn đề có liên quan đến vụ án mà còn phải tự đặt mình là Luật sư bào chữa, để xem xét kỹ các chứng cứ chứng minh không phạm tội, đặt ra các giả thuyết hoặc tình huống mà Luật sư, bị cáo, bị hại, người có liên quan... có thể đưa ra tại phiên tòa. Qua đó, Kiểm sát viên kiểm tra lại các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án xem đã đủ cơ sở vững chắc để bác bỏ các giả thuyết đó chưa? Nếu còn vấn đề nghi ngờ hay chưa thực sự có niềm tin nội tâm, thì Kiểm sát viên cần báo cáo và xin ý

kiến của Lãnh đạo Viện, ý kiến góp ý của tập thể hoặc xin ý kiến cấp trên trước khi tham gia thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

- Nâng cao ý thức đạo đức, tinh thần trách nhiệm của Kiểm sát viên:

Các Kiểm sát viên cần phải tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự ban hành kèm theo Quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, nâng cao ý thức chính trị, lương tâm và trách nhiệm nghề nghiệp đối với Kiểm sát viên các địa phương là yêu cầu mang tính thường xuyên, liên tục của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Chỉ khi có ý thức chính trị cao thì các Kiểm sát viên mới có thể thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong tố tụng hình sự nói chung và trong hoạt động luận tội tại phiên tòa nói riêng, giúp cho họ tránh được những tác động tiêu cực và vi phạm pháp luật. Việc nâng cao ý thức chính trị phải đi đôi với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức của đội Kiểm sát viên, như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*".

Bên cạnh đó, các Kiểm sát viên cũng cần tự ý thức được trách nhiệm và quyền hạn mà Nhà nước đang trao cho mình có liên quan mật thiết và chặt chẽ tới quyền và lợi ích của bị can, bị cáo hay mở rộng ra là quyền của con người. Do đó, dù như thế nào đi nữa thì không chỉ trong hoạt động luận tội nói riêng mà trong bất cứ hoạt động nào KSV cũng phải luôn tâm niệm không được vượt quá giới hạn của quyền con người trong khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình.

- Nâng cao các kỹ năng nghiệp vụ về THQCT và KSXX tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cho các Kiểm sát viên:

Các Kiểm sát viên cần thường xuyên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ như: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án, kỹ năng xây dựng bản luận tội, kỹ năng trình bày lời luận tội, kỹ năng diễn đạt, đối đáp trôi chảy, uyển chuyển; đặc biệt là khả năng phản ứng linh hoạt trước các tình huống, vấn đề mới phát sinh tại phiên tòa bằng cách lãnh đạo các Viện kiểm sát địa phương cần quy định mỗi tuần dành một thời gian nhất định để các Kiểm sát viên có kinh nghiệm trong đơn vị trao đổi kỹ năng, kinh nghiệm về hoạt động luận tội trong các vụ án cho các đồng nghiệp, đồng thời đây cũng là thời gian để hướng dẫn, kèm cặp cho các Kiểm sát viên mới để họ ngày càng vững vàng trong công tác THQCT và KSXX, đặc biệt là trong kỹ năng luận tội. Mặt khác, muốn thuyết phục được người nghe và nâng cao được chất lượng luận tội tại phiên tòa hình sự thì Kiểm sát viên cần phải thể hiện sự ứng xử có văn hoá trong thái độ trong cách sử dụng từ, ngữ; trong cách xưng hô tại phiên tòa; bảo đảm tôn trọng sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa, tôn trọng quyền, nghĩa vụ và lợi ích của những người tham gia tố tụng, nhất là những người trực tiếp tham gia tranh luận với mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày bản luận tội chứ không phải đọc bản luận tội đã chuẩn bị sẵn hoặc chỉ trình bày lời buộc tội mà không có sự phân tích, lập luận gì khác đối với vụ án. Dù có chuẩn bị viết dự thảo bản luận tội chi tiết đến mấy thì những lời buộc tội đó cũng chỉ căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thì những tài liệu có trong hồ sơ vụ án phải được thẩm tra, xác minh công khai tại phiên tòa mới có giá trị chứng minh. Cho nên, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Kiểm sát viên có thể sẽ có thêm nhiều tài liệu, chứng cứ mới có giá trị phủ định hoặc khẳng định kết quả điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, Kiểm sát viên phải kịp thời bổ sung vào bản dự thảo luận tội cho phù hợp với diễn biến của phiên tòa, nếu cứ đọc nguyên văn bản dự thảo luận tội viết sẵn

thì lời luận tội đó sẽ không phản ánh đúng bản chất của vụ án, không phù hợp với diễn biến phiên tòa.

Khi trình bày luận tội, Kiểm sát viên phải trình bày rõ ràng, mạch lạc và đầy đủ ý nghĩa của từng câu, từng từ đúng theo cú pháp tiếng Việt, tránh nói ngọng, nói lắp hoặc sai lỗi chính tả, phải thể hiện sự tôn nghiêm của pháp luật thông qua tư thế, tác phong và qua từng lời luận tội đanh thép, khiến bị cáo nhận thức được rõ tội trạng của mình.

- Tiếp tục tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm

Đây là một giải pháp hữu hiệu giúp các Kiểm sát viên nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động luận tội tại phiên tòa. Sau khi kết thúc mỗi phiên tòa rút kinh nghiệm, lãnh đạo đơn vị các Viện kiểm sát nhân dân cần chú ý tới công tác hợp rút kinh nghiệm để đánh giá những ưu, khuyết điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, qua đó nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động luận tội tại các phiên tòa tiếp theo.

Việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm là biện pháp tự đào tạo, bồi dưỡng kinh nghiệm, kỹ năng khi tham gia phiên tòa hiệu quả cho các cán bộ, Kiểm sát viên. Thông thường, các vụ án mà Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng lựa chọn để tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm là những án phức tạp, có Luật sư bào chữa, có nhiều bị cáo hoặc có một bị cáo nhưng bị cáo đó phạm tội nghiêm trọng hoặc bị cáo kêu oan,...

- Tiếp tục tổ chức các cuộc thi đánh giá kỹ năng Kiểm sát viên thông qua việc xây dựng các phiên tòa giả định:

Nhằm nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã phối hợp với dự án JICA của Nhật Bản để tổ chức cuộc thi Đánh giá kỹ năng của Kiểm sát viên thông qua một phiên tòa giả định dựa trên hồ sơ vụ án có thật.

Qua việc tổ chức phiên tòa giả định này, các Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có dịp cọ sát, trau dồi thêm các kỹ năng cần thiết khi tham gia phiên tòa, trong đó có kỹ năng xây dựng bản luận tội.

- Giải pháp về công tác cán bộ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Cần xác định rõ, cán bộ Kiểm sát là những người làm việc trong môi trường công việc đặc thù, với áp lực công việc cũng như yêu cầu, đòi hỏi về trách nhiệm rất cao. Chính vì vậy, trong quá trình Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tổ chức thi, tuyển dụng cán bộ, trước hết cần cải cách phương thức thi tuyển để có thể chọn được những cán bộ có trình độ, hiểu biết sâu về kiến thức pháp luật và kiến thức xã hội, có khả năng về ngoại ngữ, tin học, có phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị. Bên cạnh đó, công tác tổ chức cán bộ còn cần phải tính tới việc cán bộ được tuyển dụng tương lai sẽ là những Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, tranh tụng tại phiên tòa. Vì vậy cần chú trọng đến công tác sơ tuyển, bảo đảm không bị khiếm khuyết về hình thể, không nói lắp, nói nhịu, có khả năng diễn thuyết, hùng biện trước đám đông. Có như vậy mới có thể thực hiện tốt hoạt động thực hành quyền công tố, luận tội tại phiên tòa khi được bổ nhiệm.

Công tác quy hoạch cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phải được thực hiện thường xuyên nhằm tạo nguồn cán bộ cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của ngành, đảm bảo được tính liên tục, kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt, chắp vá trong công tác cán bộ. Muốn vậy, cần chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng Kiểm sát viên trẻ, Kiểm sát viên chủ chốt của ngành, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có cơ hội, môi trường thuận lợi để rèn luyện, thử thách, phát triển.

Quá trình bố trí, sử dụng cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phải tính tới sự phù hợp về năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức của từng cán bộ, bảo đảm tính hợp lý, khoa học trong việc bố trí, sử dụng cán bộ. Quá trình công tác Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng cần phân công cán bộ thử thách qua nhiều nhiệm vụ, nhiều khâu công tác cũng như cương vị công tác khác nhau, tránh việc "đóng khung" cán bộ tại một khâu công tác nhất định, vừa dễ nảy sinh tình trạng tiêu cực, vừa làm giảm ý chí phấn đấu, học hỏi, gây nên tâm lý nhàm chán trong quá trình công tác.

Kết luận chương 3

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng công tố của Viện kiểm sát. Do vậy muốn nâng cao chất lượng luận tội cần phải có giải pháp tăng cường triển khai các biện pháp thực hiện quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động luận tội của Kiểm sát viên, cụ thể các giải pháp mà Luận văn nêu ra là: *Thứ nhất*, cần khẩn trương soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 có lợi cho người phạm tội, trình cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai thi hành, không chờ đến ngày Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 có hiệu lực thi hành; *Thứ hai*, ban hành Quy chế mới về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự; *Thứ ba*, quy định linh hoạt hơn về thứ tự trình bày của Kiểm sát viên trong phần mở đầu của bản luận tội. Ngoài ra còn một số giải pháp khác góp phần tăng cường bảo đảm cho chất lượng của hoạt động luận tội theo đúng tinh thần cải cách tư pháp đặt ra.

KẾT LUẬN

1. Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn thành phố Hải Phòng là một đề tài nghiên cứu mang tính thời sự, có ý nghĩa rất quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, nhất là khi hiện nay chúng ta đang trong quá trình hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, quá trình đổi mới và cải cách tư pháp mạnh mẽ trong các cơ quan tư pháp;

2. Vấn đề luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự từ thực tiễn thành phố Hải Phòng trong luận văn được nghiên cứu trên một bình diện rộng, ở trong cả ba hoạt động ban hành các quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến hoạt động luận tội, phân tích, giải thích luật tố tụng hình sự và thực tiễn áp dụng luật tố tụng hình sự liên quan đến vấn đề này, trên cơ sở mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất giữa ba hoạt động này. Cách nghiên cứu như vậy không chỉ cho phép làm rõ vấn đề một cách cụ thể trong mỗi hoạt động luận tội riêng biệt mà còn làm rõ được mối liên hệ biện chứng, thống nhất của toàn bộ hoạt động luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam;

3. Luận văn bước đầu nghiên cứu lý luận chung về hoạt động luận tội được quy định trong tố tụng hình sự Việt Nam, trên cơ sở đó đã trình bày rõ các căn cứ, cơ sở lý luận, pháp lý của hoạt động luận tội quy định cụ thể trong pháp luật tố tụng hình sự nước ta và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Cũng trên cơ sở lý luận chung, luận văn đã phân tích, đánh giá những hoạt động vận dụng pháp luật vào hoạt động luận tội của các chủ thể của hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử trong phiên tòa hình sự sơ thẩm, từ đó góp phần hoàn thiện thêm lý luận về hoạt động luận tội đã được một số tác giả trong nước xây dựng và phát triển.

4. Luận văn cũng đã chỉ ra được những nhược điểm, hạn chế trong thực tiễn hoạt động luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm khắc phục những nhược điểm, hạn chế của Kiểm sát viên tại phiên tòa xét xử hình sự sơ thẩm, làm cho kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng xây dựng bản luận tội, trình bày luận tội cùng các kỹ năng khác trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử của các Kiểm sát viên ngày càng được nâng lên, góp phần bảo đảm cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói riêng và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa nói chung ở nước ta.

5. Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hình sự là một vấn đề không mới, nhưng là vấn đề khó khăn, phức tạp nên luận văn chắc chắn cần phải được hoàn thiện thêm. Luận văn được thực hiện với sự nỗ lực nghiên cứu của cá nhân tác giả và sự quan tâm, giúp đỡ nhiệt tình của các Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và đặc biệt là sự quan tâm, trực tiếp hướng dẫn đầy nhiệt tình và trách nhiệm của PGS. TS. Hoàng Thị Minh Sơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn An (2011), *Công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự tại phiên tòa theo yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát số 7, Hà Nội.
2. Lê Thúc Anh (2008), *Một số suy nghĩ về tranh tụng tại phiên tòa trong cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 1, Hà Nội.
3. Dương Thanh Biểu (2007), *Tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
4. Nguyễn Hòa Bình (chủ biên), (2016), *Những nội dung mới trong BLTTHS năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Trần Duy Bình (2011), *Thực trạng và một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát số 8, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-TW ngày 02/1/2002 về một số nhiệm vụ trong tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà Nội.
8. Nguyễn Mạnh Hà (2009), *Nâng cao trách nhiệm của Kiểm sát viên trong tranh luận tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự nhằm đáp ứng nhu cầu cải cách tư pháp hiện nay*, Tạp chí Kiểm sát số 10, Hà Nội.
9. Học viện Tư pháp (2014), *Giáo trình kỹ năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự*, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Huyền, Lê Lan Chi (chủ biên), (2016), *Bình luận khoa học BLTTHS năm 2015*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Khoát (2012), *Hoạt động luận tội trong tố tụng hình sự Việt Nam*, luận văn thạc sĩ Luật học, thành phố Hồ Chí Minh.

12. Võ Thị Hồng Luyện (2011), *Nâng cao trách nhiệm của Kiểm sát viên trong tranh luận tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự nhằm đáp ứng nhu cầu cải cách tư pháp hiện nay*, Tạp chí Kiểm sát số 10, Hà Nội.

13. Nguyễn Đức Mai (2007), *Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 17, Hà Nội.

14. Nguyễn Đức Mai (2009), *Đặc điểm của mô hình tranh tụng và phương hướng hoàn thiện mô hình tố tụng hình sự ở Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23, Hà Nội.

15. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2011), *Số liệu thống kê năm 2011*, Hải Phòng.

16. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2012), *Số liệu thống kê năm 2012*, Hải Phòng.

17. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2013), *Số liệu thống kê năm 2013*, Hải Phòng.

18. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2014), *Số liệu thống kê năm 2014*, Hải Phòng.

19. Phòng Thống kê tội phạm tội phạm và công nghệ thông tin, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2015), *Số liệu thống kê năm 2015*, Hải Phòng.

20. Quốc hội (1946), *Hiến pháp năm 1946*, Hà Nội.

21. Quốc hội, (1959), *Hiến pháp năm 1959*, Hà Nội.

22. Quốc hội, (1980), *Hiến pháp năm 1980*, Hà Nội.

23. Quốc hội, (1992), *Hiến pháp năm 1992*, Hà Nội.

24. Quốc hội, (2013), Hiến pháp năm 2013, Hà Nội.
25. Quốc hội, (1999) Bộ luật hình sự năm 1999, Hà Nội.
26. Quốc hội, (2015) Bộ luật hình sự năm 2015, Hà Nội.
27. Quốc hội, (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988*, Hà Nội.
28. Quốc hội, (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.
29. Quốc hội, (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Hà Nội.
30. Quốc hội, (1960), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960*, Hà Nội.
31. Quốc hội, (1960), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1982*, Hà Nội.
32. Quốc hội, (2002) , *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002*, Hà Nội.
33. Quốc hội, (2014), *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014*, Hà Nội.
34. Quốc hội (2016), *Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội khóa XIII về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016*, Hà Nội.
35. Lê Hữu Thê, Đỗ Văn Dương, Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên), (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Trịnh Khắc Triệu (2003), *Tài liệu tập huấn BLTTHS 2003*, Hải Phòng.
37. Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Hà Nội.
38. Trung tâm từ điển tiếng Việt, Viện ngôn ngữ (1993), *Từ điển tiếng Việt*, Hà Nội.
39. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Mẫu số 136 ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17 tháng 9 năm 2007*, Hà Nội.

40. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2007), *Quy chế về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự* (ban hành kèm theo Quyết định số 960/2007/QĐ-VKSTC ngày 17/9/2007, Hà Nội.

41. VKSNDTC-BCA (2005), *Thông tư liên tịch số 05 ngày 07/9/2005 về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số qui định của Bộ luật TTHS năm 2003*, Hà Nội.

42. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2011), *Báo cáo công tác các năm 2011 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.

43. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2012), *Báo cáo công tác các năm 2012 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.

44. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2013), *Báo cáo công tác các năm 2013 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.

45. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2014), *Báo cáo công tác các năm 2014 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.

46. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2015), *Báo cáo công tác các năm 2015 của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND thành phố Hải Phòng*, Hải Phòng.

47. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Luật học so sánh*”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

48. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về Định tội danh*, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 11/2013, Hà Nội.

49. Võ Khánh Vinh (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS*, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.

50. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng (2015), *Đánh giá thực*

trạng bản luận tội của Kiểm sát viên thông qua phiên tòa rút kinh nghiệm năm 2014, của Phòng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSND thành phố Hải Phòng, Hải Phòng.

51. Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền (2014), Luận tội vụ Đặng Xuân Vĩnh phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

52. Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân (2014), Luận tội vụ Bùi Đức Thọ và đồng phạm phạm tội Cướp giạt tài sản.

53. Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An (2013), Luận tội của vụ Trần Thị Minh Nguyệt phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

54. Viện kiểm sát nhân dân quận Kiến An (2014), Luận tội của vụ Nguyễn Đức Mạnh phạm tội Cướp giạt tài sản.

55. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên (2014), Luận tội của vụ Phạm Văn Tuyển cùng đồng bọn phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

56. Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân (2013), Luận tội của vụ Nguyễn Hải Giang Trường phạm tội Đánh bạc.

57. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên (2015), Luận tội của vụ Trần Văn Tạo phạm tội Chống người thi hành công vụ.

58 https://vi.wikipedia.org/wiki/Hải_Phòng, truy cập ngày 15/6/2016, truy cập ngày 22 /5/2016.

59 <http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/79/76>, luận tội và tranh luận của kiểm sát viên tại phiên tòa, truy cập ngày 12/7/2016.

60 <https://luatduonggia.vn/quyen-cua-kiem-sat-vien-trong-viec-luan-toi-bi-cao> truy cập ngày 21/7/2016.

61 [.http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/khoi-to-vu-an-o-quan-karaoke-ruby-20160701233621303.htm](http://nld.com.vn/thoi-su-trong-nuoc/khoi-to-vu-an-o-quan-karaoke-ruby-20160701233621303.htm) truy cập ngày 24/7/2016.

62. <http://vksdanang.gov.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=print/intuckhac/Ve-ky-nang-xay-dung-va-trinh-bay-ban-luan-toi-2301>, truy cập ngày 20/9/2016.